UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 387/QĐ-UBND	*Phú Thọ, ngày 01 tháng 02 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2013.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 14/12/2012 của HĐND tỉnh Phú Thọ về dự toán thu NSNN trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách tỉnh Phú Thọ năm 2013 (theo các Phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh;
- Công báo (2b);
- Website Chính phủ;
- CPVP, NCTH;
- Lưu VT, TH2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Dân Mạc

Tỉnh Phú Thọ **Biểu số 01-13**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số: 387 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2013 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**2,724,000**
1	Thu nội địa	2,509,000
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	201,000
3	Thu phản ánh qua NSNN (từ nguồn thu xổ số)	14,000
B	**THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**7,848,598**
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	2,509,000
	- Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	*2,509,000*
	- Các khoản thu phân chia NSĐP hưởng theo tỷ lệ (%)	
2	Bổ sung từ ngõn sỏch Trung ương	5,039,598
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSĐP	*2,514,823*
	- Thu từ nguồn bổ sung có MT từ NSTW	*1,454,999*
	- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	*1,069,776*
3	Thu kết dư ngân sách năm 2011	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương và các nhiệm vụ còn lại theo chế độ quy định	
5	Dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300,000
C	**CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**7,848,598**
1	Chi đầu tư phát triển (Bao gồm cả chi hỗ trợ doanh nghiệp)	537,300
2	Chi thường xuyên (2)	5,868,008
3	Chi từ nguồn dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước	300,000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
5	Chi dự phòng ngân sách	

		158,590
6	Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn do HĐND tỉnh giao thu tăng so với dự toán Trung ương giao	4,000
7	Chi từ nguồn kết dư, chuyển nguồn, chuyển nhiệm vụ từ năm 2011 sang năm 2012	-
8	Chi từ nguồn bổ sung cú mục tiêu ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	979,500

Ghi chú:

(1): Không bao gồm 350.000 triệu đồng các khoản thu, chi được để lại quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản thu, chi phản ánh qua ngân sách theo quy định).

(2): Dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2013 đó bao gồm nguồn 10% tiết kiệm và 35 - 40% thu để lại thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

Tỉnh Phú Thọ **Biểu số 02-13**

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số: 387/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2013 của UBND tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	TỔNG CÁC KHOẢN THU TRÊN ĐỊA BÀN	**2,724,000**
I	**Tổng các khoản thu cân đối NSNN**	**2,509,000**
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	530,000
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	600,000
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	45,000
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	650,000
5	Lệ phí trước bạ	115,000
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4,000
7	Thuế thu nhập cá nhân	70,000
8	Thuế bảo vệ môi trường	86,000
9	Thu phí và lệ phí	36,000
10	Tiền sử dụng đất	311,000
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	34,000
12	Các khoản thu tại xã	9,700
13	Thu khác ngân sách	18,300
II	**Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu**	**201,000**
III	**Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN**	**14,000**
	- Thu xổ số kiến thiết	14,000
	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**7,862,598**
A	**Các khoản thu cân đối NSĐP**	**7,848,598**
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phõn cấp	2,509,000
	- Các khoản thu 100%	*2,509,000*
	- Thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%)	
2	Thu bổ sung từ NSTW	5,039,598
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSĐP	*2,514,823*
	- Thu từ nguồn bổ sung cú MT từ NSTW	*1,454,999*
	- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	*1,069,776*

3	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương và các nhiệm vụ còn lại theo chế độ quy định	-
4	Thu kết dư ngân sách năm 2011	-
5	Dự kiến thu huy động đầu tư xây dựng CSHT theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300,000
B	**Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN**	**14,000**
	- Thu xổ số kiến thiết	14,000

Ghi chú:

(*): Không bao gồm 350.000 triệu đồng các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản thu phản ánh qua ngân sách theo quy định).

Tỉnh Phú Thọ **Biểu số 03-13**

CÂN ĐỐI NGÂN

SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số: 387/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2013 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
A	**Ngân sách cấp tỉnh**	
I	**Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh**	**7,124,845**
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	1,828,667
-	*Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%*	*1,269,000*
-	*Cỏc khoản thu phõn chia phần ngân sách tỉnh hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)*	*559,667*
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	4,996,178
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSĐP	*2,514,823*
	- Thu từ nguồn bổ sung cú mục tiêu từ NSTW	*1,454,999*
	- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	1,026,356
3	Dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300,000
II	**Chi ngân sách cấp tỉnh**	**7,124,845**
1	Chi cân đối ngân sách cấp tỉnh (đó bao gồm chi từ nguồn dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN: 300.000 triệu đồng)	3,273,189
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	979,500
3	Chi bổ sung cho ngân sách cấp huyện	2,872,156
B	**Ngân sách huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh** (bao gồm NS cấp huyện và NS xã, phường, thị trấn)	
I	**Nguồn thu ngân sách huyện (bao gồm cả NS xã, phường, thị trấn)**	**3,595,909**
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	680,333
-	*Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%*	*135,000*
-	*Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)*	*545,333*

2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	2,915,576
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	2,872,156
-	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định	43,420
II	**Chi ngân sách huyện (bao gồm NS cấp huyện và NS xã, phường, thị trấn)**	**3,595,909**

Tỉnh: Phú Thọ **Biểu số 04-13**

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số: 387/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2013 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	TỔNG CHI NSĐP (A + B + C + D)	**7,862,598**
A	**Chi cân đối NSĐP**	**6,869,098**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**537,300**
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	255,400
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	279,900
3	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ	2,000
II	**Chi thường xuyên**	**5,868,008**
1	Chi sự nghiệp kinh tế	780,075
2	Chi sự nghiệp văn xã	3,672,882
	- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	2,612,079
	+ Chi sự nghiệp giáo dục	*2,398,686*
	+ Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	*213,393*
	- Chi sự nghiệp y tế	612,023
	- Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	27,228
	- Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	114,565
	- Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	21,078
	- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	11,944
	- Chi đảm bảo xã hội	273,965
3	Chi Quản lý hành chính	1,203,338
4	Chi an ninh - quốc phòng địa phương	117,935
5	Chi khác ngân sách	18,405

6	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	75,373
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**158,590**
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**1,200**
V	**Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn thu do HĐND tỉnh giao tăng so với dự toán Trung ương giao**	**4,000**
VI	**Chi từ nguồn dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN**	**300,000**
B	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu NSTW cho NSĐP**	**979,500**
C	**Các khoản chi được quản lý qua NSNN**	**14,000**
	- Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	14,000
D	**Chi từ nguồn kết dư và chuyển nguồn năm 2010 sang năm 2011**	**-**

Ghi chú:

Dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2013 đã bao gồm dự nguồn 10% tiết kiệm và 35 - 40% thu để lại thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

Tỉnh: Phú Thọ. **Biểu số 05-13**

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số: 387/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2013 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Tổng cộng	Việt Trỡ	Phỳ Thọ	Phỳ Ninh	Lõm Thao	Đoan Hùng	Thanh Ba	Hạ Hoà	Tam Nụng	Thanh Thuỷ	Cẩm Khờ	Yờn Lập	Thanh Sơn	Tân Sơn
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**905,900**	**376,600**	**59,650**	**65,380**	**68,950**	**52,770**	**49,660**	**39,350**	**33,160**	**29,350**	**24,680**	**32,850**	**60,200**	**13,300**
1	**Thu từ cỏc doanh nghiệp Trung ương**	**7,800**	**2,000**	**550**	**500**	**150**	**300**	**3,500**	**-**	**100**	**300**	**-**	**-**	**400**	**-**
2	**Thu từ các doanh nghiệp địa phương và doanh nghiệp cổ phần hóa có vốn nhà nước**	**1,800**	**1,000**	**100**	**-**	**100**	**-**	**500**	**-**	**-**	**100**	**-**	**-**	**-**	
3	**Thu từ khu vực CTN ngoài QD**	**377,000**	**134,000**	**21,000**	**29,000**	**23,500**	**30,000**	**21,000**	**23,000**	**11,000**	**12,500**	**8,500**	**19,000**	**40,000**	**4,500**
	- Thu từ các DN ngoài QD	331,300	118,500	16,800	25,800	20,000	26,000	18,800	20,000	9,750	10,400	7,100	16,200	38,250	3,700
	- Thu từ các hộ KD cá thể	45,700	15,500	4,200	3,200	3,500	4,000	2,200	3,000	1,250	2,100	1,400	2,800	1,750	800
3	**Thuế thu nhập cá nhân**	**21,300**	**8,500**	**2,100**	**2,200**	**1,600**	**1,100**	**1,200**	**550**	**500**	**500**	**600**	**650**	**1,200**	**600**
4	**Thu tiền sử dụng đất (1)**	**296,000**	**132,000**	**25,000**	**20,000**	**25,000**	**12,000**	**15,000**	**10,000**	**15,000**	**10,000**	**9,000**	**8,000**	**10,000**	**5,000**
5	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**	**4,000**	**2,500**	**500**	**180**	**300**	**70**	**160**	**100**	**60**	**50**	**80**	**-**	**-**	**-**
	- Khu vực DNTƯ, DNĐP, DNĐTNN	685	400	30	80	110	15	50	-	-	-	-	-	-	-
	- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	375	100	55	30	80	55	15	-	20	-	20	-	-	
	- Hộ gia đình, cá nhân	2,940	2,000	415	70	110	-	95	100	40	50	60	-	-	
6	**Tiền thuê đất**	**34,000**	**23,000**	**800**	**1,500**	**6,500**	**600**	**500**	**100**	**500**	**100**	**100**	**50**	**200**	**50**
	- Khu vực DNTƯ, DNĐP, DNĐTNN	26,050	18,000	400	1,200	5,500	-	400	40	200	70	20	20	170	30
	- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	7,950	5,000	400	300	1,000	600	100	60	300	30	80	30	30	20
	- Hộ gia đình, cá nhân	-													

7	**Lệ phí trước bạ**	**115,000**	**63,000**	**7,500**	**8,000**	**7,300**	**4,600**	**4,000**	**3,000**	**3,100**	**3,000**	**4,000**	**3,300**	**2,200**	**2,000**
8	**Thu phí và lệ phí**	**29,000**	**6,800**	**1,500**	**1,900**	**1,900**	**2,500**	**2,800**	**1,600**	**1,200**	**1,000**	**1,000**	**850**	**5,300**	**650**
	- Phớ bảo vệ mụi trường khai thác khoáng sản	14,500	800	300	1,000	900	2,000	1,900	700	700	650	250	400	4,500	400
	- Phí, lệ phí còn lại (2)	14,500	6,000	1,200	900	1,000	500	900	900	500	350	750	450	800	250
9	**Thu hoa lợi công sản**	**9,700**	**700**	**100**	**600**	**2,000**	**700**	**400**	**600**	**1,400**	**1,500**	**900**	**300**	**400**	**100**
10	**Thu khác ngân sách**	**10,300**	**3,100**	**500**	**1,500**	**600**	**900**	**600**	**400**	**300**	**300**	**500**	**700**	**500**	**400**
B	**THU ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH, THỊ ĐƯỢC HƯỞNG** (Đó bao gồm NS cấp xã)	**680,333**	**299,720**	**39,182**	**58,085**	**49,620**	**37,828**	**32,373**	**27,140**	**24,685**	**21,535**	**19,210**	**23,035**	**37,590**	**10,330**
1	**Thu điều tiết từ các khoản thu trên địa bàn:**	**592,233**	**227,120**	**39,182**	**46,335**	**47,370**	**36,328**	**32,373**	**27,140**	**24,685**	**21,535**	**19,210**	**23,035**	**37,590**	**10,330**
2	**Thu điều tiết từ các khoản do Cục Thuế tỉnh quản lý thu:**	**88,100**	**72,600**	**-**	**11,750**	**2,250**	**1,500**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**

Ghi chú:

(1): - Thành phố Việt Trì: xã Hùng Lô, xã Thụy Vân, xã Sông Lô, xã Phượng Lâu: 12.000 triệu đồng;

- Thị xã Phú Thọ: xã Thanh Minh, xã Phú Hộ: 7.000 triệu đồng;

(2): Đã bao gồm phí nước thải sinh hoạt do Cty Cổ phần cấp nước Phú Thọ tổ chức thu (Việt Trì: 3.000 triệu đồng; Phú Thọ: 450 triệu đồng); Không bao gồm phí chợ (được ghi thu phản ánh qua ngân sách nhà nước theo quy định).

SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số: 387/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2013 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện, thành, thị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu NS huyện được hưởng theo phân cấp	Dự toán chi ngân sách huyện (1)	Số bổ sung từ NS cấp tỉnh cho NS huyện (2)
1	**Việt Trì**	376,600	299,720	522,793	214,489
2	**Phú Thọ**	59,650	39,182	178,109	135,561
3	**Phù Ninh**	65,380	58,085	228,540	167,831
4	**Lâm Thao**	68,950	49,620	203,941	151,495
5	**Đoan Hùng**	52,770	37,828	283,561	242,535
6	**Thanh Ba**	49,660	32,373	260,042	224,202
7	**Hạ Hòa**	39,350	27,140	289,787	259,549
8	**Tam Nông**	33,160	24,685	216,668	189,479
9	**Thanh Thuỷ**	29,350	21,535	202,455	178,438
10	**Cẩm Khê**	24,680	19,210	307,294	284,882
11	**Yên Lập**	32,850	23,035	261,748	236,306
12	**Thanh Sơn**	60,200	37,590	373,498	332,436
13	**Tân Sơn**	13,300	10,330	267,473	254,953
Cộng		**905,900**	**680,333**	**3,595,909**	**2,872,156**

Ghi chú:

(1): Không bao gồm chi hoạt động của Ban quản lý chợ thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ (được phản ánh chi qua ngân sách nhà nước theo quy định).

(2): Đã loại trừ một phần nguồn thu học phí, 10% tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách năm 2013 để thực hiện cải cách tiền lương theo chế độ quy định.

Tỉnh: Phú Thọ **Biểu số 07-13**

CHI TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT THEO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số: 387/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2013 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên công trình, dự toán	Số tiền
1	Hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp nhà điều hành và các công trõnh phụ trợ trường mầm non Thu Cúc 1 huyện Tân Sơn	2,000
2	Hỗ trợ kinh phí xây dựng trạm y tế một tầng xã Trung Nghĩa huyện Thanh Thuỷ	1,000
3	Hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình trạm y tế xã Kim Đức - thành phố Việt Trỡ	1,000
4	Hỗ trợ kinh phí xây dựng trường mầm non xã Vĩnh Phú huyện Phù Ninh	500
5	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà lớp học kiêm nhà điều hành trường mầm non Kinh Kệ huyện Lâm Thao	2,000
6	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà điều hành trường THCS xã Phúc Khánh huyện Yên Lập	2,000
7	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà điều hành và các phòng học chức năng trường tiểu học Mai Tùng huyện Hạ Hoà	2,000
8	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà điều hành trường THCS xó Đồng Luận huyện Thanh Thuỷ	2,000
9	Hỗ trợ kinh phớ xõy dựng trường tiểu học Địch Quả huyện Thanh Sơn	1,500
Tổng cộng		**14,000**

Tỉnh Phú Thọ **Biểu số 08-13**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số: 387/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2013 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
A	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**	**314.300**	**314.300**	**314.300**	255,400	56,900	2,000															
B	**CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH**	**2.550.238**	**2.550.238**					**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
I	**CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ CỦA TỈNH**	**1.437.047**	**1.437.047**					**1.437.047**	**708.418**	**233.881**	**88.604**	**406.144**	**197.637**	**82.371**	**34.878**	**314.512**	**165.936**	**435.831**	**34.086**	**17.278**	**11.944**	**30.886**
1	**Văn phòng UBND tỉnh**	**19,346**	**19,346**					**19,346**	**4,710**	**1,604**	**1,011**	**12,02**	**19.34**									
-	Chi định mức biên chế	**8,068**	**8,068**					8,068	4,270	1,506	1,011	1,281	8,068									
-	Chi số biên chế Trung tâm Công báo - Tin học	**538**	**538**					538	440	98			538									
-	Chi các hoạt động nghiệp vụ	**2,000**	**2,000**					2,000				2,000	2,000									
-	Chi hoạt động của thường trực UBND tỉnh	**3,000**	**3,000**					3,000				3,000	3,000									
-	Chi hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính	**700**	**700**					700				700	700									
-	Kinh phí xây dựng và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật	**140**	**140**					140				140	140									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
	Chi phục vụ cảnh quan môi trường khu vực UBND tỉnh	**2,500**	**2,500**					2,500				2,500	2,500										
	Kinh phí triển khai ứng dụng công nghệ thông tin	**500**	**500**					500				500	500										
-	Sửa chữa và mua sắm thiết bị, tài sản UBND tỉnh	**1,000**	**1,000**					1,000				1,000	1,000										
-	*Chi khác*	**900**	**900**					900				900	900										
2	**Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh.**	**12,152**	**12,152**					**12,152**	**2,995**	**687**	**459**	**8,011**	**12,152**										
-	Chi định mức	**4,048**	**4,048**					4,048	2,418	687	459	484	4,048										
-	Phụ cấp kiêm nhiệm đại biểu HĐND tỉnh	**577**	**577**					577	577				577										
-	Phụ cấp nghiên cứu tài liệu + công tácc phí của các đại biểu cơ sở + Đặt báo + tài liệu chuyên môn các đại biểu	**365**	**365**					365				365	365										
-	Các kỳ họp HĐND tỉnh	**600**	**600**					600				600	600										
-	Hỗ trợ đoàn đại biểu quốc hội	**900**	**900**					900				900	900										
	Chi hoạt động của 3 ban của HĐND Tỉnh	**600**	**600**					600				600	600										
	Chi các hoạt động giám sát ,	**450**	**450**					450				450	450										
	Kinh phí xây dựng và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật	**160**	**160**					160				160	160										
	Chi hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh	**2,000**	**2,000**					2,000				2,000	2,000										
-	Kinh phí đảm bảo các hoạt động của HĐND theo mức chi hoạt động mới	**500**	**500**					500				500	500										

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
-	Kinh phí đầu tư nâng cấp mạng LAN	**952**	**952**					952				952	952										
	Kinh phí duy trì cổng thông tin điện tử	**500**	**500**					500				500	500										
-	Sửa chữa và mua sắm tài sản	**500**	**500**					500				500	500										
3	**Sở Kế hoạch đầu tư**	**6,955**	**6,955**					**6,955**	**3,821**	**1,072**	**712**	**1,350**	**6,955**										
	Chi định mức	**6,105**	**6,105**					6,105	3,821	1,072	712	500	6,105										
	Hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư	**200**	**200**					200				200	200										
	Chi ban chỉ đạo các CTMTQG	**300**	**300**					300				300	300										
	Kinh phí xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật	**50**	**50**					50				50	50										
	Kinh phí chi gặp mặt các doanh nghiệp và doanh nhân hàng năm	**200**	**200**					200				200	200										
	Chi Ban chỉ đạo Xã hội hoá về công tác giáo dục, y tế.	**100**	**100**					100				100	100										
4	**Sở Khoa học và Công nghệ**	**18,244**	**18,244**					**18,244**	**1,922**	**533**	**341**	**15,448**	**2,796**										
*	Chi định mức biên chế	**2,796**	**2,796**					2,796	1,922	533	341		2,796										
*	Chi hoạt động sự nghiệp	**15,448**	**15,448**					15,448				15,448											
	Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	**10,848**	**10,848**					10,848				10,848											
	Công tác kế hoạch hoá. Thống kê khoa học công nghệ và hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh	**400**	**400**					400				400											
	Chi công tác quản lý công nghệ và thanh tra KHCN	**300**	**300**					300				300											
	Công tác sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân	**200**	**200**					200				200											

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
	Hoạt động tin học và thông tin khoa học công nghệ	**300**	**300**					300				300											
	Chi hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học	**250**	**250**					250				250											
	Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng	**300**	**300**					300				300											
	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan HCSN tỉnh Phú Thọ (các đơn vị hành chính còn lại) + kinh phí đánh giá, duy trì, cải tiến hệ thống QLCL tại các đơn vị đã triển khai áp dụng	**1,000**	**1,000**					1,000				1,000											
	Đào tạo trao đổi, hợp tác về khoa học và công nghệ trong và ngoài nước	**450**	**450**					450				450											
	Bổ sung trang thiết bị, tăng cường tiềm lực phục vụ nghiên cứu và quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ	**400**	**400**					400				400											
	Hỗ trợ các hoạt động khoa học công nghệ của các sở, ban, ngành, các hội khoa học, hội đồng khoa học công nghệ các cấp và các nhiệm vụ cấp cơ sở	**1,000**	**1,000**					1,000				1,000											
5	**Chi cục đo lường**	**1,233**	**1,233**					**1,233**	**882**	**211**	**140**		**1,233**										
6	**Chi cục thú y**	**7,225**	**7,225**					**7,225**	**3,720**	**905**	**281**	**2,320**	**1,317**										

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
+	VP Chi cục thú y	**1,317**	**1,317**					1,317	945	222	150		1,317										
+	Trạm thú y các huyện	**3,588**	**3,588**					3,588	2,775	682	131												
	Chi định mức biên chế sự nghiệp	**3,463**	**3,463**					3,463	2,650	682	131												
	Chi phụ cấp ưu đãi ngành	**125**	**125**					125	125														
+	Phòng chống dịch diện rộng	**2,000**	**2,000**					2,000				2,000											
+	Kinh phí sửa chữa các trạm thú y huyện	**200**	**200**					200				200											
+	Chi hoạt động nghiệp vụ tuyên truyền	**120**	**120**					120				120											
7	**Chi cục bảo vệ thực vật**	**5,669**	**5,669**					**5,669**	**3,729**	**1,032**	**257**	**650**	**1,127**										
+	VP Chi cục bảo vệ thực vật	**1,127**	**1,127**					1,127	756	222	149		1,127										
+	Trạm bảo vệ thực vật các huyện	**4,542**	**4,542**					4,542	2,973	810	108	650											
	Chi định mức biên chế sự nghiệp	**3,727**	**3,727**					3,727	2,809	810	108												
	Chi phụ cấp ưu đãi ngành	**164**	**164**					164	164														
	Hỗ trợ công tác tuyên truyền	**50**	**50**					50				50											
	Sửa chữa các trạm bảo vệ thực vật	**200**	**200**					200				200											
	Chi hoạt động phòng trừ sâu bệnh + duy trì bẫy đèn	**400**	**400**					400				400											
8	**Sở NN và PT nông thôn**	**4,352**	**4,352**					**4,352**	**2,418**	**678**	**456**	**800**	**3,752**										
	Chi định mức biên chế	**3,552**	**3,552**					3,552	2,418	678	456		3,552										
	Chi mua sắm tài sản	**200**	**200**					200				200	200										
	Ban chỉ đạo các chương trình nông nghiệp trọng điểm	**200**	**200**					200				200											
	Hỗ trợ công tác báo cáo tiến độ SX NLN	**400**	**400**					400				400											

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
9	**Chi cục QL đê và PCLB**	**12,436**	**12,436**					**12,436**	**2,303**	**600**	**133**	**9,400**	**1,024**										
	Văn phòng Chi cục PCLB và QL đê	**1,024**	**1,024**					1,024	693	198	133		1,024										
	Đội quản lý đê	**1,914**	**1,914**					1,914	1,512	402													
	Phụ cấp ngành	**98**	**98**					98	98														
	Tu bổ đê, kè cống và chống hạn	**5,000**	**5,000**					5,000				5,000											
	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp kè	**4,000**	**4,000**					4,000				4,000											
	Chi nghiệp vụ (trong đó chi cho Ban chỉ huy Phòng chống LB 200 triệu)	**400**	**400**					400				400											
10	**Chi cục Thuỷ lợi**	**6,515**	**6,515**					**6,515**	**1,548**	**388**	**179**	**4,400**	**1,552**										
	Văn phòng chi cục Thuỷ lợi	**1,552**	**1,552**					1,552	1,008	265	179	100	1,552										
	Chi định mức biên chế sự nghiệp	**963**	**963**					963	540	123		300											
	Chi ban chỉ đạo, quản lý CTMT nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn	**200**	**200**					200				200											
	Chi hoạt động tuyên truyền, kiểm tra chống úng, chống hạn	**300**	**300**					300				300											
	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản	**500**	**500**					500				500											
	Duy tu sửa chữa thường xuyên các công trình cấp nước sinh hoạt do cộng đồng quản lý	**3,000**	**3,000**					3,000				3,000											
11	**Chi cục Thuỷ sản**	**2,169**	**2,169**					**2,169**	**1,294**	**266**	**110**	**500**	**1,096**										
	Văn phòng chi cục Thuỷ sản	**1,096**	**1,096**					1,096	819	167	110		1,096										

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Chi định mức biên chế sự nghiệp	**574**	**574**					574	475	99												
	Hỗ trợ mua cá hậu bị giống mới để sản xuất cá bố mẹ, bảo tồn lưu giữ giống cá quý hiếm…	**200**	**200**					200				200										
	Chi tuyên truyền khuyến khích phát triển thuỷ sản + nghiệp vụ	**300**	**300**					300				300										
12	**Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản**	**1,382**	**1,382**					**1,382**	**819**	**217**	**146**	**200**	**1,382**									
	Chi định mức	**1,182**	**1,182**					1,182	819	217	146		1,182									
	Chi nghiệp vụ tuyên truyền, tập huấn và kiểm tra giám sát chất lượng NSTP	**200**	**200**					200				200	200									
13	**Sở Nội vụ**	**6,999**	**6,999**					**6,999**	**3,436**	**1,309**	**754**	**1,500**	**6,999**									
	Chi định mức	**5,089**	**5,089**					5,089	2,806	1,129	754	400	5,089									
	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản	**500**	**500**					500				500	500									
	Chi định mức của Ban Tôn giáo	**810**	**810**					810	630	180			810									
	Mua sắm tài sản cho Ban Tôn giáo	**300**	**300**					300				300	300									
	Chi nghiệp vụ công tác tôn giáo (trong đó đã có thăm hỏi các chức sắc tôn giáo)	**300**	**300**					300				300	300									
14	**Ban dân tộc**	**2,492**	**2,492**					**2,492**	**1,240**	**425**	**277**	**550**	**2,492**									
	Chi định mức biên chế	**1,942**	**1,942**					1,942	1,240	425	277		1,942									
	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản + xây nhà xe	**300**	**300**					300				300	300									
	Chi nghiệp vụ	**250**	**250**					250				250	250									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
15	**Ban thi đua khen thưởng**	**1,583**	**1,583**					**1,583**	**882**	**240**	**160**	**300**	**1,583**									
-	Chi định mức	**1,283**	**1,283**					1,283	882	240	160		1,283									
-	Các nhiệm vụ phục vụ thi đua KT	**300**	**300**					300				300	300									
16	**Thanh tra tỉnh**	**6,061**	**6,061**					**6,061**	**3,459**	**917**	**536**	**1,150**	**6,061**									
	Chi theo định mức	**4,195**	**4,195**					4,195	2,542	917	536	200	4,195									
	Chi phụ cấp ưu đãi ngành , thâm niên, trang phục	**677**	**677**					677	677				677									
	Thanh tra viên trực tiếp tiếp dân và xử lý đơn thư	**240**	**240**					240	240				240									
	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản .	**300**	**300**					300				300	300									
	Kinh phí mua sắm thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin	**300**	**300**					300				300	300									
	Chi tổ chức hội thảo nghiệp vụ; và các hội nghị + các nghiệp vụ phát sinh	**350**	**350**					350				350	350									
17	**Sở Tài chính**	**9,230**	**9,230**					**9,230**	**4,648**	**1,404**	**928**	**2,250**	**9,230**									
	Chi theo định mức	**7,163**	**7,163**					7,163	4,331	1,404	928	500	7,163									
	Công bố giá hàng tháng	**300**	**300**					300				300	300									
	Duy trì, củng cố và hoàn thiện hệ thống TABMIT….	**500**	**500**					500				500	500									
	Kinh phí xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật	**50**	**50**					50				50	50									
	Kinh phí rà soát, kiểm tra, quản lý tài sản công theo Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ	**400**	**400**					400				400	400									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	**500**	**500**					500				500	500										
	Chi phụ cấp ưu đãi, thâm niên ngành Thanh tra	**317**	**317**					317	317				317										
18	**Sở Công thương**	**6,274**	**6,274**					**6,274**	**3,355**	**1,066**	**703**	**1,150**	**6,274**										
	Chi định mức	**5,424**	**5,424**					5,424	3,355	1,066	703	300	5,424										
	Chi chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	**300**	**300**					300				300	300										
	Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị triển khai công tác thu hồi vốn đầu tư Dự án năng lượng nông thôn II	**50**	**50**					50				50	50										
	Kinh phí thực hiện kế hoạch phát triển thương mại điện tử	**500**	**500**					500				500	500										
19	**Sở Xây dựng**	**5,379**	**5,379**					**5,379**	**3,111**	**882**	**586**	**800**	**5,379**										
	Chi định mức	**4,779**	**4,779**					4,779	3,111	882	586	200	4,779										
	Kinh phí mua sắm sửa chữa tài sản	**200**	**200**					200				200	200										
	Kinh phí mở lớp tập huấn văn bản pháp luật liên quan đến xây dựng	**50**	**50**					50				50	50										
	Kinh phí xác định, công bố chỉ số giá xây dựng năm 2013	**350**	**350**					350				350	350										
20	**Sở Giao thông vận tải**	**32,311**	**32,311**					**32,311**	**4,210**	**5,099**	**812**	**22,190**	**6,465**										
	Chi định mức	**6,220**	**6,220**					6,220	3,965	1,243	812	200	6,220										
	Phụ cấp thanh tra + trang phục thanh tra giao thông	**245**	**245**					245	245				245										
	Duy tu sửa chữa TX đường tỉnh 733 km x 30	**25,846**	**25,846**					25,846		3,856		21,990											

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
21	**Sở Tài nguyên môi trường**	**20,157**	**20,157**					**20,157**	**2,501**	**809**	**537**	**16,310**	**3,847**									
a	Chi định mức	**3,847**	**3,847**					3,847	2,501	809	537		3,847									
b	Chi nghiệp vụ	**16,310**	**16,310**					16,310				16,310										
*	Đo đạc bản đồ và Quản lý đất đai	**975**	**975**					975				975										
	Thống kê đất đai chỉnh lý biến động	**200**	**200**					200				200										
	Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, đo đạc thống kê chi tiết hiện trạng sử dụng đất nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn toàn Tỉnh	**700**	**700**					700				700										
	Xây dựng bản đồ hành chính tỉnh, huyện	**75**	**75**					75				75										
*	Quản lý TN Khoáng sản	**7,102**	**7,102**					7,102				7,102										
	Đánh giá hiện trạng môi trường phóng sạ một số xã huyện Thanh Sơn, Tân Sơn	**758**	**758**					758				758										
	Điều tra, khảo sát đánh giá hiện trạng điều kiện địa chất và dự báo tai biến địa chất vùng Ninh Dân và khu vực lân cận	**6,294**	**6,294**					6,294				6,294										
	Các hoạt động quản lý khoáng sản	**50**	**50**					50				50										
*	Quản lý nước - Khí tượng thuỷ văn	**1,050**	**1,050**					1,050				1,050										

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Xây dựng mạng lưới quan sát động thái nước dưới đất vùng đồng bằng	**500**	**500**					500				500										
	Điều tra xả thải thống kê các nguồn nước ô nhiễm , đề xuất các biện pháp khắc phục	**500**	**500**					500				500										
	Các hoạt động quản lý TN nước -KTTV	**50**	**50**					50				50										
*	Quản lý thu thập, xử lý thông tin tài nguyên và môi trường Theo QĐ4011/2011/QĐ-UBND tỉnh	**2,000**	**2,000**					2,000				2,000										
*	XD giá đất năm 2014	**500**	**500**					500				500										
*	Trang thông tin và bản tin Tài nguyên môi trường	**350**	**350**					350				350										
*	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	**3,933**	**3,933**					3,933				3,933										
	Thực hiện mạng lưới quan trắc, phân tích, cảnh báo ô nhiễm môi trường	**2,500**	**2,500**					2,500				2,500										
	Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh	**100**	**100**					100				100										
	Xây dựng bản đồ hiện trạng môi trường tỉnh Phú Thọ	**833**	**833**					833				833										
*	Phối hợp với các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh thực hiện CT bảo vệ môi trường	**100**	**100**					100				100										
*	Vận hành Trạm quan trắc môi trường không khí tự động	**400**	**400**					400				400										
	Chi nghiệp vụ thanh tra	**100**	**100**					100				100										
	Mua sắm thiết bị chuyên ngành	**300**	**300**					300				300										
22	**Chi cục Quản lý đất đai**	**1,588**	**1,588**					**1,588**	**882**	**183**	**123**	**400**	**1,588**									
	Chi định mức	**1,388**	**1,388**					1,388	882	183	123	200	1,388									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Mua sắm tài sản	**200**	**200**					200		-		200	200									
23	**Sở Văn hoá thể thao và du lịch**	**25,740**	**25,740**					**25,740**	**10.508**	**2,946**	**750**	**11,536**	**5,842**						**17.422**	**2,476**		
+	Đinh mức chi biên chế quản lý nhà nước	**5,842**	**5,842**					5,842	3,965	1,127	750		5,842									
+	Đoàn kịch	**4,156**	**4,156**					4,156	1,864	513		1,780							4,156			
	Định mức	**2,262**	**2,262**					2,262	1,749	513									2,262			
	Phụ cấp ưu đãi ngành	**115**	**115**					115	115										115			
	Xây dựng vở mới	**500**	**500**					500				500							500			
	Biểu diễn miền núi	**200**	**200**					200				200							200			
	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp	**100**	**100**					100				100							100			
	Chi sửa chữa, mua sắm thiết bị	**800**	**800**					800				800							800			
	Chi bồi dưỡng luyện tập	**100**	**100**					100				100							100			
	Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật	**80**	**80**					80				80							80			
+	Đoàn chèo	**4,965**	**4,965**					4,965	2,196	690		2,080							4,965			
	Định mức	**2,757**	**2,757**					2,757	2,067	690									2,757			
	Phụ cấp ưu đãi ngành	**129**	**129**					129	129										129			
	Xây dựng vở mới	**500**	**500**					500				500							500			
	Biểu diễn miền núi	**300**	**300**					300				300							300			
	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp	**100**	**100**					100				100							100			
	Chi sửa chữa, mua sắm thiết bị	**800**	**800**					800				800							800			
	Chi bồi dưỡng luyện tập	**150**	**150**					150				150							150			
	Dàn dựng biểu diễn hát Xoan phục vụ các nhiệm vụ chính trị	**150**	**150**					150				150							150			
	Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật	**80**	**80**					80				80							80			
+	Nghiệp vụ VHTT	**3,600**	**3,600**					3,600				3,600							3,600			

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
+	Bảo tàng Hùng Vương	**1,745**	**1,745**					1,745	1,080	265		400							1,745			
+	Trung tâm Văn hoá thông tin	**1,755**	**1,755**					1,755	1,404	351									1,755			
+	Chi nghiệp vụ gia đình	**400**	**400**					400				400							400			
+	Hoạt động nghiệp vụ du lịch	**600**	**600**					600				600							600			
+	Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá	**200**	**200**					200				200							200			
+	Chi chuyên môn nghiệp vụ thể thao + các hoạt động TT khác	**1,276**	**1,276**					1,276				1,276								1,276		
+	Hỗ trợ đội bóng chuyền A1	**1,200**	**1,200**					1,200				1,200								1,200		
24	**Văn phòng Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng**	**2,115**	**2,115**					**2,115**	**906**	**334**	**185**	**690**	**2,115**									
	Chi định mức	**1,275**	**1,275**					1,275	756	334	185		1,275									
	Phụ cấp trách nhiệm	**150**	**150**					150	150				150									
	Kinh phí phổ biến, tuyên truyền pháp luật về công tác PCTN	**240**	**240**					240				240	240									
	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo	**300**	**300**					300				300	300									
	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản	**150**	**150**					150				150	150									
25	**Sở Lao động Thương binh xã hội**	**34,356**	**34,356**					**34,356**	**16.606**	**3,224**	**1,238**	**13,288**	**4,625**		**465**							**29,266**
*	Chi định mức QLNN	**4,625**	**4,625**					4,625	2,989	985	650		4,625									
*	Trung tâm bảo trợ xã hội	**6,173**	**6,173**					6,173	4,780	555	338	500										6,173
	Chi định mức	**2,675**	**2,675**					2,675	2,120	555												2,675
	Chi phụ cấp thu hút đặc thù (NĐ 56, QĐ 73/2011/QĐ TT; QĐ 11/QĐ -BLĐTBXH)	**1,344**	**1,344**					1,344	1,006		338											1,344
	Trợ cấp các đối tượng theo NĐ 13/2010/NĐ-CP	**1,654**	**1,654**					1,654	1,654													1,654
	Chi mua sắm sửa chữa	**500**	**500**					500				500										500

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ										
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
*	Trung tâm giáo dục LĐXH	**10,362**	**10,362**					10,362	4,281	906		5,175										10,362
	Chi định mức	**3,662**	**3,662**					3,662	2,756	906												3,662
	Chi phụ cấp thu hút đặc thù (TTLBsố18+NĐ114)	**1,525**	**1,525**					1,525	1,525													1,525
	Chi mua sắm sửa chữa	**500**	**500**					500				500										500
	Chi phụ cấp ngành y tế và phụ cấp độc hại (theoQĐ số 11…) + chi điện nước, quần áo đồng phục cho các đối tượng	**1,475**	**1,475**					1,475				1,475										1,475
	Kinh phí của Ngân sách địa phương để tổ chức cai nghiện cho đối tượng ma tuý tại trung tâm	**3,000**	**3,000**					3,000				3,000										3,000
	Chi chữa trị cho đối tượng là gái mại dâm tại trung tâm	**200**	**200**					200				200										200
*	TT điều dưỡng người có công	**3,667**	**3,667**					3,667	2,684	533	250	200										3,667
	Chi định mức	**3,009**	**3,009**					3,009	2,226	533	250											3,009
	Chi phụ cấp ngành	**458**	**458**					458	458													458
	Chi hỗ trợ đưa Cán bộ lão thành cách mạng đi điều dưỡng tập trung	**200**	**200**					200				200										200
*	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Phú Thọ	**315**	**315**					315	165	50		100										315
	Định mức	**215**	**215**					215	165	50												215
	Chi mua sắm tài sản (mới thành lập)	**100**	**100**					100				100										100
*	Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy	**2,002**	**2,002**					2,002	1,707	195	-	100										2,002
	Định mức	**897**	**897**					897	702	195												897
	Chi phụ cấp ngành y tế và phụ cấp độc hại (theo QĐ số 11…)	**405**	**405**					405	405													405

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Chi chế độ cho đối tượng sau cai nghiện theo TT 121/2010/TTLT BTC-BLĐTBXH	**600**	**600**					600	600													600
	Chi mua sắm tài sản (mới thành lập)	**100**	**100**					100				100										100
*	Nghiệp vụ ngành	**500**	**500**					500				500										500
*	Thu gom các đối tượng lang thang	**100**	**100**					100				100										100
*	Chi công tác an toàn vệ sinh lao động + phòng chống cháy nổ	**100**	**100**					100				100										100
*	Các đoàn đi thăm viếng mộ liệt sĩ	**400**	**400**					400				400										400
*	Chi quà các đối tượng chính sách tết +27/7+ báo	**1,100**	**1,100**					1,100				1,100										1,100
*	Hoạt động của ban chỉ đạo giải quyết việc làm	**200**	**200**					200				200										200
*	Hỗ trợ hoạt động xuất khẩu lao động	**500**	**500**					500				500										500
*	Đưa đón các đối tượng đi điều dưỡng	**400**	**400**					400				400										400
*	Kinh phí kỷ niệm ngày TBLS 27/7	**100**	**100**					100				100										100
*	Thu thập, xử lý thông tin cung cầu lao động	**350**	**350**					350				350										350
*	Rà soát, điều tra người tâm thần..	**100**	**100**					100				100										100
*	Chi ban chỉ đạo giảm nghèo	**100**	**100**					100				100										100

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
*	Hội thi thiết bị dạy nghề + hội diễn tiếng hát học sinh sinh viên dạy nghề ...	**500**	**500**					500				500										500
*	Chi hoạt động nghiệp vụ chăm sóc trẻ em	**500**	**500**					500				500										500
*	Chi hoạt động bình đẳng giới và BCĐ vì sự tiến bộ của phụ nữ	**300**	**300**					300				300										300
*	Chi hoạt động nghiệp vụ chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	**100**	**100**					100				100										100
*	Chi các ban chỉ đạo các chương trình của ngành	**300**	**300**					300				300										300
*	Kinh phí chi cho các hoạt động quản lý đối tượng bảo trợ xã hội	**130**	**130**					130				130										130
*	Kinh phí chi công tác kiểm tra, giám sát thực hiện đề án công tác xã hội	**68**	**68**					68				68										68
*	Chi mua sắm ,sửa chữa tài sản	**300**	**300**					300				300										300
*	Chương trình quốc gia về bình đẳng giới	**465**	**465**					465				465			465							
*	Các nhiệm vụ phát sinh khác	**600**	**600**					600				600										600
26	**Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội**	**1,346**	**1,346**					**1,346**	**819**	**184**	**123**	**220**	**1,226**									**120**
	Chi định mức	**1,226**	**1,226**					1,226	819	184	123	100	1,226									
	Hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình phòng chống mại dâm	**100**	**100**					*100*				*100*										*100*

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Chi tiếp nhận phụ nữ và trẻ em từ nước ngoài về	**20**	**20**					*20*				*20*										*20*
27	**Chi cục phát triển Lâm nghiệp**	**2,487**	**2,487**					***2,487***	***1,180***	***340***	***167***	***800***	***1,338***									
	Chi định mức biên chế	**938**	**938**					938	630	184	124		938									
	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	**100**	**100**					100				100	100									
	Chi nghiệp vụ (Tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn)	**300**	**300**					300				300	300									
	Chi định mức biên chế sự nghiệp	**1,149**	**1,149**					1,149	550	156	43	400										
28	**Sở Tư pháp**	**6,058**	**6,058**					**6,058**	**2,232**	**666**	**447**	**2,713**	**6,058**									
	Chi định mức	**3,645**	**3,645**					3,645	2,232	666	447	300	3,645									
	Kinh phí duy trì tủ sách pháp luật (2 triệu đồng/xã/năm; Riêng huyện Tơn Sơn: 2,5 triệu đồng/xã/năm)	**563**	**563**					563				563	563									
	Kinh phí đảm bảo biểu mẫu, sổ sách cấp hộ tịch cho các xã, phường, thị trấn	**350**	**350**					350				350	350									
	Kinh phí thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; Triển khai công tác giao dịch đảm bảo; Công tác xây dựng thi hành pháp luật; Công tác hành chính tư pháp	**300**	**300**					300				300	300									
	Kinh phí xây dựng, thẩm định, kiểm tra, sử lý rà soát các văn bản pháp luật	**400**	**400**					400				400	400									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Mua sắm tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	**300**	**300**					300				300	300									
	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật (trong đó có tuyên truyền phổ biến PL trong các doanh nghiệp)	**500**	**500**					500				500	500									
29	**Phòng công chứng số 1**	**510**	**510**					**510**	**388**	**122**			**510**									
30	**Phòng công chứng số 2**	**403**	**403**					**403**	**291**	**112**			**403**									
31	**Trung tâm trợ giúp pháp lý:**	**1,735**	**1,735**					**1,735**	**1,188**	**293**	**54**	**200**	**1,735**									
-	Chi định mức biên chế	**1,535**	**1,535**					1,535	1,188	293	54		1,535									
-	Trợ giúp pháp lý người nghèo (đã bao gồm kinh phí hoạt động của các chi nhánh)	**200**	**200**					200				200	200									
32	**Trung tâm bán đấu giá tài sản:**	**446**	**446**					**446**	**275**	**71**		**100**	**446**									
33	**Ban QL các khu công nghiệp**	**3,437**	**3,437**					**3,437**	**1,736**	**479**	**321**	**900**	**3,437**									
	Chi định mức biên chế	**2,537**	**2,537**					2,537	1,736	479	321		2,537									
	Chi quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong khu công nghệp	**200**	**200**					200				200	200									
	Chi nghiệp vụ xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp và chi nghiệp vụ khác	**700**	**700**					700				700	700									
34	**Chi cục phát triển nông thôn**	**1,786**	**1,786**					**1,786**	**945**	**264**	**176**	**400**	**1,486**									
	Chi định mức	**1,486**	**1,486**					1,486	945	264	176	100	1,486									
	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo và văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ	**300**	**300**					300				300										

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
35	**Sở Thông tin và truyền thông**	**7,338**	**7,338**					**7,338**	**2,046**	**527**	**355**	**4,410**	**7,338**										
-	Chi định mức biên chế	**3,228**	**3,228**					3,228	2,046	527	355	300	3,228										
-	Chi cổng giao tiếp điện tử (Bao gồm cả nhuận bút)	**960**	**960**					960				960	960										
-	Kinh phí duy trì trung tâm tích hợp dữ liệu	**350**	**350**					350				350	350										
	Kinh phí mua sắm thiết bị	**300**	**300**					300				300	300										
-	Nâng cấp mở rộng hệ thống hội nghị trực tuyến tỉnh Phú Thọ theo quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của UBND tỉnh Phú Thọ	**1,500**	**1,500**					1,500				1,500	1,500										
-	Kinh phí thực hiện đề án phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020	**500**	**500**					500				500	500										
	Chi nghiệp vụ công tác thông tin truyền thông, công tác thanh tra kiểm tra về lĩnh vực CNTT	**500**	**500**					500				500	500										
36	**Chi cục quản lý thị trường**	**11,578**	**11,578**					**11,578**	**7,140**	**1,979**	**1,352**	**1,108**	**11,578**										
	Chi theo định mức	**9,530**	**9,530**					9,530	6,100	1,979	1,352	100	9,530										
	Chi phụ cấp ưu đãi + trang phục 400t	**1,040**	**1,040**					1,040	1,040				1,040										
	Kinh phí hỗ trợ hoạt động ban chỉ đạo 127 và các nhiệm vụ khác	**200**	**200**					200				200	200										
	Thuê trụ sở làm việc của 2 đội Tân Sơn và Phù Ninh	**108**	**108**					108				108	108										

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
	Mua sắm + sửa chữa tài sản của các đội	**500**	**500**					500				500	500										
	Mua ấn chỉ QLTT hàng năm	**200**	**200**					200				200	200										
37	**Chi cục kiểm lâm**	**30,088**	**30,088**					**30,088**	**15,917**	**5,449**	**6,091**	**2,630**	**28.208**										
	Chi định mức	**24,711**	**24,711**					24,711	12,871	5,449	6,091	300	24,711										
	Chi phụ cấp ưu đãi ngành, thâm niên trang phục	**3,496**	**3,496**					3,496	3,046			450	3,496										
	Chi hỗ trợ công tác tuyên truyền PCCR	**300**	**300**					300				300											
	Chi nghiệp vụ + mua thiết bị	**300**	**300**					300				300											
	Nuôi dưỡng chăm sóc chó nghiệp vụ	**30**	**30**					30				30											
	Bảo vệ rừng mùa khô hanh 139 xuất	**250**	**250**					250				250											
	Hỗ trợ sửa chữa các trạm kiểm lâm: Thanh Sơn, Hạ Hoà, Đoan Hùng	**1,000**	**1,000**					1,000				1,000											
38	**Chi cục Bảo vệ Môi trường**	**2,283**	**2,283**					**2,283**	**1,134**	**220**	**148**	**781**	**1,602**										
	Chi định mức	**1,502**	**1,502**					1,502	1,134	220	148		1,502										
	Chi sửa chữa tài sản	**100**	**100**					100				100	100										
	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về TNMT	**100**	**100**					100				100											
	Xây dựng báo cáo chuyên đề hiện trạng môi trường; Kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường	**250**	**250**					250				250											
	Xây dựng và duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường địa phương; hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng	**100**	**100**					100				100											

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Dự án điều tra khảo sát, điều tra, thống kê chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phục vụ công tác QLMT	**231**	**231**					231				231										
39	**Chi cục văn thư lưu trữ -Sở Nội vụ**	**3,061**	**3,061**					**3,061**	**1,232**	**274**	**54**	**1,500**	**3,061**									
	Chi định mức	**1,709**	**1,709**					1,709	1,080	274	54	300	1,709									
	Chi phụ cấp ưu đãi + độc hại	**152**	**152**					152	152				152									
	Kinh phí nghiệp vụ	**400**	**400**					400				400	400									
	Kinh phí mua sắm kệ sắt, tủ và tài sản khác phục vụ chuyên môn	**300**	**300**					300				300	300									
	Kinh phí bảo quản tài liệu: mua thuốc chống mối, khử trùng ...	**500**	**500**					500				500	500									
40	**Trung tâm khuyến công, tư vấn và tiết kiệm năng lượng**	**4,375**	**4,375**					**4,375**	**1,080**	**258**		**3,037**	**3,538**				**837**					
-	Chi định mức biên chế	**1,538**	**1,538**					1,538	1,080	258		200	1,538									
-	Chi sự nghiệp khuyến công	**2,000**	**2,000**					2,000				2,000	2,000									
-	Chi đào tạo các lớp	**837**	**837**					837				837					837					
41	**Công ty phát triển hạ tầng KCN**	**755**	**755**					**755**	**550**	**205**			**755**									
42	**TT tư vấn đầu tư và dịch vụ KCN**	**546**	**546**					**546**	**440**	**106**			**546**									
43	**TT quy hoạch Xây dựng Phú Thọ**	**666**	**666**					**666**	**570**	**96**			**666**									
44	**TT kiểm định CLXD Phú Thọ**	**320**	**320**					**320**	**243**	**77**			**320**									
45	**TT thông tin TV TS và DVTài chính**	**1,633**	**1,633**					**1,633**	**440**	**93**		**1,100**	**1,633**									
	Chi định mức	**633**	**633**					633	440	93		100	633									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Chi tuyên truyền, tập huấn, cập nhật các chính sách kế toán tài chính, quản lý tài sản công	**1,000**	**1,000**					1,000				1,000	1,000									
46	**TT thông tin KH và CN (Sở KHCN)**	**684**	**684**					**684**	**540**	**144**												
47	**TT Kỹ thuật đo lường -thử nghiệm (SKHCN)**	**262**	**262**					**262**	**220**	**42**												
48	**Trung tâm ứng dụng KH và CN (Sở KHCN)**	**655**	**655**					**655**	**540**	**115**												
49	**Trung tâm phát triển khoa học và CN (SKHCN)**	**139**	**139**					**139**	**110**	**29**												
50	**TT xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch (Sở KHĐT)**	**2,506**	**2,506**					**2,506**	**1,296**	**310**		**900**	**2,506**									
	Chi định mức	**1,706**	**1,706**					1,706	1,296	310		100	1,706									
	Chi đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với tỉnh	**300**	**300**					300				300	300									
	Phát hành bản tin Xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch Phú Thọ + chi nghiệp vụ	**500**	**500**					500				500	500									
51	**Ban quản lý dự án Văn hoá thể thao và Du lịch**	**550**	**550**					**550**	**440**	**110**			**550**									
52	**TT Công nghệ thông tin Tây Bắc**	**1,884**	**1,884**					**1,884**	**972**	**221**		**692**	**1,884**									
	Chi định mức biên chế	**1,493**	**1,493**					1,493	972	221		300	1,493									
	Mua sắm tài sản	**100**	**100**					100				100	100									
	Chi bổ sung hoạt động theo tiêu chí trung tâm vùng	**292**	**292**					292				292	292									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
53	**Quỹ phát triển đất tỉnh Phú Thọ**	**373**	**373**					**373**	**230**	**43**	**-**	**100**	**373**									
	Chi định mức biên chế	**208**	**208**					208	165	43			208									
	Phụ cấp cán bộ chuyên trách + cán bộ kiêm nhiệm	**65**	**65**					65	65				65									
	Hỗ trợ chi nghiệp vụ	**100**	**100**					100				100	100									
54	**Quỹ Bảo vệ môi trường**	**210**	**210**					**210**	**165**	**45**			**210**									
55	**Văn phòng tỉnh uỷ**	**38,534**	**38,534**					**38,534**	**3,909**	**1,129**	**1,427**	**32,068**		**38.534**								
*	Chi của Văn phòng	**9,194**	**9,194**					9,194	3,909	1,129	1,427	2,728		9,194								
	Chi theo định mức	**5,912**	**5,912**					5,912	3,355	1,129	1,427			5,912								
	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐ số 11-QĐ-TU	**208**	**208**					208	208					208								
	Phụ cấp cấp uỷ theo QĐ169 (55 BCH đảng bộ tỉnh)	**347**	**347**					347	347					347								
	Chi nghiệp vụ công nghệ TT	**150**	**150**					150				150		150								
	Chi kiểm tra theo KL số 286-KL/TU của TTTU và KL 1660 của VPTW về tài chính đảng	**50**	**50**					50				50		50								
	Chi mở các lớp tập huấn nghiệp vụ CNTT (50 triệu) + công tác tài chính đảng (100 triệu) + nghiệp vụ công tác lưu trữ (70 triệu)	**220**	**220**					220				220		220								
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	**600**	**600**					600				600		600								
	Chi tiền ăn và các chế độ cho 3 cán bộ cơ yếu ...	**63**	**63**					63				63		63								
	Chi tuyên truyền phổ biến pháp luật, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo	**120**	**120**					120				120		120								

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Mua sắm sửa chữa tài sản	**700**	**700**					700				700		700								
	Chi nghiệp vụ	**825**	**825**					825				825		825								
*	Chi nghiệp vụ khối Đảng	**29,340**	**29,340**					29,340				29,340	-	29,340								
-	Chi tặng thưởng đảng bộ trong sạch, vững mạnh	**500**	**500**					500				500		500								
-	Chi cảnh quan môi trường Tỉnh uỷ	**1,000**	**1,000**					1,000				1,000		1,000								
-	Chi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	**300**	**300**					300				300		300								
-	Chi học tập nghị quyết TW (trong đó có NQTW 4 khoá XI)	**1,300**	**1,300**					1,300				1,300		1,300								
	Chi khen thưởng của tỉnh uỷ	**1,500**	**1,500**					1,500				1,500		1,500								
	Chi hoạt động các ban chỉ đạo của Tỉnh uỷ	**900**	**900**					900				900		900								
	Chi tiếp các đoàn khách đến thăm và làm việc với tỉnh	**1,000**	**1,000**					1,000				1,000		1,000								
	Chi đưa đón cán bộ lão thành cách mạng đi tham quan nghỉ mát	**500**	**500**					500				500		500								
	Chi hoạt động của thường trực Tỉnh uỷ	**4,000**	**4,000**					4,000				4,000		4,000								
	Chi tặng huy hiệu 40, 50, 60... năm tuổi đảng	**13,540**	**13,540**					13,540				13,540		13,540								
	Chi xây dựng thẩm định đề án, văn bản, báo cáo trình Ban chấp hành, Ban thường vụ Tỉnh uỷ	**1,800**	**1,800**					1,800				1,800		1,800								
	Kinh phí thực hiện đề án 06 về CNTT khối tỉnh	**1,100**	**1,100**					1,100				1,100		1,100								
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên khối Tỉnh uỷ	**1,500**	**1,500**					1,500				1,500		1,500								

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
-	Chi bảo trì mạng công nghệ thông tin của Tỉnh uỷ	**400**	**400**					400				400		400									
56	**Ban Tổ chức**	**8,924**	**8,924**					**8,924**	**2,391**	**768**	**1,075**	**4,690**		**8.924**									
	Chi theo định mức	**4,075**	**4,075**					4,075	2,232	768	1,075			4,075									
	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐ số 11-QĐ-TU	**136**	**136**					136	136					136									
	Phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ (6 người)	**23**	**23**					23	23					23									
	Chi nghiệp vụ	**540**	**540**					540				540		540									
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	**200**	**200**					200				200		200									
	Chi nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng	**350**	**350**					350				350		350									
	Chi dưỡng sức thăm hỏi	**3,600**	**3,600**					3,600				3,600		3,600									
57	**Ban Tuyên giáo**	**6,415**	**6,415**					**6,415**	**2,360**	**676**	**945**	**2,435**		**6,415**									
	Chi theo định mức 28	**3,666**	**3,666**					3,666	2,046	676	945			3,666									
	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐ số 11-QĐ-TU	**125**	**125**					125	125					125									
	Chi hoạt động trung tâm, báo cáo viên, tuyên truyền viên; Chi BCĐ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	**220**	**220**					220				220		220									
	Kinh phí hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện NQTW 5 khoá VIII	**100**	**100**					100				100		100									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
	Kinh phí thực hiện đề án 01 về tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội tỉnh	**150**	**150**					150				150		150									
	Chi thông tin sinh hoạt chi bộ, TTV	**750**	**750**					750				750		750									
	Phụ cấp tuyên truyền viên 50 người	**189**	**189**					189	189			-		189									
	Chi thực hiện đề án 04/TU về nâng cao chất lượng tuyên truyền miệng ..	**120**	**120**					120				120		120									
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	**200**	**200**					200				200		200									
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	**300**	**300**					300				300		300									
	Chi nghiệp vụ	**595**	**595**					595				595		595									
58	**Uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ**	**4,861**	**4,861**					**4,861**	**2,173**	**683**	**776**	**1,230**		**4,861**									
	Chi theo định mức	**3,195**	**3,195**					3,195	1,736	683	776			3,195									
	Phụ cấp thâm niên + phụ cấp ưu đãi	**331**	**331**					331	331					331									
	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐ số 11-QĐ-TU	**106**	**106**					106	106					106									
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	**300**	**300**					300				300		300									
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	**200**	**200**					200				200		200									
	Chi thực hiện công tác kiểm tra, tập huấn, giám sát	**280**	**280**					280				280		280									
	Tổ chức kỷ niệm 65 năm thành lập ngành kiểm tra đảng	**30**	**30**					30				30		30									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Chi nghiệp vụ	**420**	**420**					420				420		420								
59	**Ban Dân vận**	**3,551**	**3,551**					**3,551**	**1,321**	**377**	**524**	**1,330**		**3,551**								
	Chi theo định mức	**2,141**	**2,141**					2,141	1,240	377	524			2,141								
	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐ số 11-QĐ-TU	**81**	**81**					81	81					81								
	Mua tạp chí Dân vận, bản tin tôn giáo	**100**	**100**					100				100		100								
	Chi hoạt động Ban chỉ đạo của đảng về Quy chế dân chủ, công tác tôn giáo;	**200**	**200**					200				200		200								
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	**200**	**200**					200				200		200								
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	**180**	**180**					180				180		180								
	Chi XD, biên tập, in ấn phát hành cuốn: Thông tin công tác dân vận tỉnh Phú Thọ	**350**	**350**					350				350		350								
	Chi nghiệp vụ	**300**	**300**					300				300		300								
60	**Báo Phú Thọ**	**10,389**	**10,389**					**10,389**	**3,268**	**953**		**6,169**		**10.389**								
-	Chi theo định mức	**4,181**	**4,181**					4,181	2,928	953		300		4,181								
	Hỗ trợ chi 7 hợp đồng theo kết luận của TTTU	**340**	**340**					340	340					340								
	Xuất bản đặc san tin ảnh Phú Thọ miền núi	**480**	**480**					480				480		480								
	Chi nhuận bút các loại báo + Báo biếu (Báo thường 330 tờ x 260 kỳ x 1200đ; Báo cuối tuần 330 tờ x 51 kỳ x 1800 đồng)	**4,554**	**4,554**					4,554				4,554		4,554								

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
-	Kinh phí nâng cấp hệ thống mạng nội bộ Lan theo kết luận của Chủ tịch tại thông báo số 56/TB-UBND tỉnh ngày 06/7/2012 của UBND tỉnh	**485**	**485**					485				485		485								
-	Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật tư	**350**	**350**					350				350		350								
61	**Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh**	**4,178**	**4,178**					**4,178**	**1,533**	**468**	**612**	**1,565**		**4,178**								
-	*Chi theo định mức*	**2,382**	**2,382**					2,382	1,302	468	612			2,382								
	Các khoản phụ cấp (kiểm tra; BC viên; BVCTNB;	**81**	**81**					81	81					81								
	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐ số 11-QĐ-TU	**79**	**79**					79	79					79								
	Chi phụ cấp cấp uỷ theo QĐ 169-QĐ-TW (10 người + 4 người)	**71**	**71**					71	71					71								
	Hỗ trợ chi nghiệp vụ	**315**	**315**					315				315		315								
	Chi khen thưởng đảng bộ TSVM cấp cơ sở	**100**	**100**					100				100		100								
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới, chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng)	**280**	**280**					280				280		280								
-	Chi hoạt động BCĐ cơ quan văn hoá quy chế dơn chủ, học tập tấm gương đạo đức HCM	**30**	**30**					30				30		30								

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
-	Hoạt động của hội Cựu chiến binh	**70**	**70**					70				70		70									
-	Hoạt động của Đoàn thanh niên	**70**	**70**					70				70		70									
-	Hoạt động của Công đoàn viên chức	**70**	**70**					70				70		70									
-	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW và Tỉnh	**50**	**50**					50				50		50									
	Chi xây dựng đề án, các báo cáo … theo quy định số 12 ngày 07-10-2010 của Tỉnh Uỷ	**50**	**50**					50				50		50									
	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin	**40**	**40**					40				40		40									
	Chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU	**50**	**50**					50				50		50									
-	Mua sắm và sửa chữa tài sản	**300**	**300**					300				300		300									
-	Chi các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở	**70**	**70**					70				70		70									
-	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4, 5	**70**	**70**					70				70		70									
62	**Đảng uỷ khối doanh nghiệp**	**5,519**	**5,519**					**5,519**	**2,561**	**820**	**643**	**1,495**	**-**	**5,519**			**-**						
	Chi theo định mức	**2,765**	**2,765**					2,765	1,302	820	643			2,765									
-	*Phụ cấp thâm niên + phụ cấp ưu đãi*	**18**	**18**					18	18					18									
-	Chi phụ cấp cấp uỷ theo 169 của các doanh nghiệp trực thuộc:22UVBCHDUK+278 UVBCHCS	**1,162**	**1,162**					1,162	1,162					1,162									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐ số 11-QĐ-TU	**79**	**79**					79	79					79									
-	Hỗ trợ chi nghiệp vụ	**315**	**315**					315				315		315									
-	Chi khen thưởng đảng bộ TSVM cấp cơ sở	**100**	**100**					100				100		100									
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới, chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng)	**280**	**280**					280				280		280									
	Chi hoạt động BCĐ cơ quan văn hoá quy chế dân chủ, học tập tấm gương đạo đức HCM	**30**	**30**					30				30		30									
	Hoạt động của hội Cựu chiến binh	**70**	**70**					70				70		70									
	Hoạt động của Đoàn thanh niên	**70**	**70**					70				70		70									
	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW và Tỉnh	**50**	**50**					50				50		50									
	Chi xây dựng đề án, các báo cáo … theo quy định số 12 ngày 07-10-2010 của Tỉnh Uỷ	**50**	**50**					50				50		50									
	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin	**40**	**40**					40				40		40									
	Cho cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy dịnh số 12/QĐ-TU	**50**	**50**					50				50		50									
	Chi các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở	**70**	**70**					70				70		70									
	Mua sắm và sửa chữa tài sản	**300**	**300**					300				300		300									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4, 5	**70**	**70**					70				70		70								
63	**Ban Bảo vệ sức khoẻ**	**7,530**	**7,530**					**7,530**	**2,845**	**726**	**316**	**3,643**						**7,530**				
	Chi định mức (có PCU đãi ngành)	**3,344**	**3,344**					3,344	2,302	726	316							3,344				
	Chi bồi dưỡng phục vụ cấp uỷ theo QĐ số 3115/QĐ-VPTƯ	**117**	**117**					117				117						117				
	Chi khám sức khoẻ định kỳ	**450**	**450**					450				450						450				
	Mời giáo sư hội chuẩn	**600**	**600**					600				600						600				
	Chi phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ bảo vệ chăm sóc sức khoẻ tuyến tỉnh (16 người) và tuyến huyện (117 người)	**543**	**543**					543	543									543				
	Chi trợ cấp thường xuyên đối với CB nguyên UBTƯ đảng khoá II, III và cán bộ hoạt động CM trước 01/1/1945 bị bệnh hiểm nghèo (Tính: 4 đối tượng)	**76**	**76**					76				76						76				
	Mua sắm máy xét nghiệm	**1,400**	**1,400**					1,400				1,400						1,400				
	Kinh phí sửa chữa nhà làm việc thành khu điều trị	**300**	**300**					300				300						300				
	Hỗ trợ kinh phí chi tiền thuốc khám chữa bệnh	**700**	**700**					700				700						700				
64	**Tỉnh đoàn thanh niên**	**4,770**	**4,770**					**4,770**	**2,108**	**489**	**723**	**1,450**			**4,770**							
	Chi định mức	**3,320**	**3,320**					3,320	2,108	489	723				3,320							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Trang bị tài liệu Đoàn-Hội-Đội cho các cơ sở đoàn nhiệm kỳ 2012-2017 + chi nghiệp vụ ...	**300**	**300**					300				300			300							
	Kinh phí tuyên truyền sau đại hội	**200**	**200**					200				200			200							
	Tổ chức các chiến dịch + các chương trình và các cuộc tổng kết....theo kết luận của TTTU	**450**	**450**					450				450			450							
	Tổ chức đại hội cháu ngoan Bác Hồ; Các cuộc thi ...	**300**	**300**					300				300			300							
	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản	**200**	**200**					200				200			200							
65	**Hội liên hiệp thanh niên**	**677**	**677**					**677**	**378**	**80**	**119**	**100**			**677**							
66	**Trung tâm Thanh thiếu niên Hùng Vương**	**841**	**841**					**841**	**504**	**98**	**139**	**100**			**841**							
67	**Nhà thiếu nhi**	**1,019**	**1,019**					**1,019**	**504**	**110**	**155**	**250**			**1,019**							
68	**Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh**	**7,013**	**7,013**					**7,013**	**1,887**	**532**	**786**	**3,808**			**7,013**							
	Chi định mức (trong đó có 2 biên chế TTGTVL Phụ nữ)	**3,205**	**3,205**					3,205	1,887	532	786				3,205							
	Kinh phí xây dựng, tổ chức triển khai đề án " phổ biến giáo dục pháp luật cho phụ nữ; Triển khai cuộc thi " Những tấm gương phụ nữ tự tin, tự trọng trung hậu đảm đang; Cuộc thi " Ngày phụ nữ sáng tạo " cấp tỉnh ...	**300**	**300**					300	-			300			300							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Tổ chức hội nghị sơ kết 5 năm cuộc vận động xây dựng" Gia đình 5 không 3 sạch "; tổ chức ngày hội " Gia đình hạnh phúc ", gặp mặt tôn vinh các gia đình tiêu biểu; Các hội nghị tập	**300**	**300**					300	-			300			300							
	Kinh phí thực hiện đề án " Tuyên truyền giáo dục, phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước "; đề án "Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi, dạy con tốt"	**350**	**350**					350	-			350			350							
	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản	**200**	**200**					200	-			200			200							
	Hỗ trợ kinh phí cho " quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo "	**2,000**	**2,000**					2,000	-			2,000			2,000							
	Đề án đào tạo cán bộ chủ chốt (bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)	**658**	**658**					658	-			658			658							
69	**Mặt trận tổ quốc**	**5,716**	**5,716**					**5,716**	**1,798**	**548**	**790**	**2,580**			**5,716**							
	Chi định mức	**3,136**	**3,136**					3,136	1,798	548	790				3,136							
	Kinh phí tổ chức triển khai các nhiệm vụ thực hiện chương trình phối hợp thống nhất hành động	**500**	**500**					500				500			500							
	Công tác tổ chức tuyên giáo: Xuất bản cuốn thông tin công tác mặt trận; Triển khai cuộc vận động " người Việt nam dùng hàng Việt Nam"; Phối hợp với Báo Phú Thọ, đài Phát thanh truyền hình thực hiện chuyên mục ...	**500**	**500**					500				500			500							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
	Hỗ trợ kinh phí triển khai các cuộc vận động: toàn dân đoàn kết XD đời sống ở khu dân cư; tổ chức chỉ đạo thanh tra nhân dân….	**350**	**350**					350				350			350								
	Hỗ trợ kinh phí hội Hữu nghị nhân dân	**130**	**130**					130				130			130								
	Kinh phí hoạt động của Uỷ ban đoàn kết công giáo tỉnh	**200**	**200**					200				200			200								
	Chi hoạt động ban dân tộc và tôn giáo: Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng: các vị lão thành cách mạng, các chức sắc tôn giáo, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số, (theo quyết định số 10/2009/QĐ-TTG ngày	**150**	**150**					150				150			150								
	Chi ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư	**200**	**200**					200				200			200								
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản và các nghiệp vụ khác	**550**	**550**					550				550			550								
70	**Hội nông dân**	**4,639**	**4,639**					**4,639**	**1,612**	**454**	**672**	**1,900**			**4,639**								
	Chi định mức	**2,739**	**2,739**					2,739	1,612	454	672	-			2,739								
	Đại hội đại biểu Hội ND cấp tỉnh lần thứ 8	**500**	**500**					500				500			500								
	Chi tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết sau đại hội	**100**	**100**					100				100			100								

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
	Biên tập, phát hành cuốn lịch sử Hội nông dân	**200**	**200**					200				200			200								
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động ban chỉ đạo giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân theo chỉ thị 26/CT-TTg của TTCP ngày ...	**150**	**150**					150				150			150								
	Kinh phí xây dựng mô hình xã điểm thực hiện chỉ thị 26/CT-TTg của TTCP ngày…	**150**	**150**					150				150			150								
	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản	**400**	**400**					400				400			400								
	Chi hội thi cán bộ hội giỏi toàn tỉnh; Hội nghị biểu dương gia đình nông dân văn hoá lần thứ nhất; Các cuộc tuyên truyền...	**400**	**400**					400				400			400								
71	**Hội cựu chiến binh**	**1,928**	**1,928**					**1,928**	**882**	**267**	**380**	**400**			**1,928**								
	Chi định mức	**1,528**	**1,528**					1,528	882	267	380				1,528								
	Chi nghiệp vụ	**100**	**100**					100				100			100								
	Kinh phí triển khai các Nghị quyết	**100**	**100**					100				100			100								
	Hỗ trợ kinh phí đi dự các hội nghị do trung ương tổ chức	**100**	**100**					100				100			100								
	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản	**100**	**100**					100				100			100								
72	**Liên minh HTX**	**2,177**	**2,177**					**2,177**	**1,071**	**272**		**835**			**2,043**		**135**						
*	Chi định mức của liên minh HTX	**1,109**	**1,109**					1,109	882	227					1,109								

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Hỗ trợ chi nghiệp vụ	**200**	**200**					200				200			200							
	Tổ chức gặp mặt đại biểu HTX	**50**	**50**					50				50			50							
	Xây dựng và phát hành Bản tin kinh tế tập thể	**100**	**100**					100				100			100							
	Kinh phí hoạt động ban đổi mới và phát triển kinh tế tập thể	**100**	**100**					100				100			100							
	Mua sắm + sửa chữa tài sản	**200**	**200**					200				200			200							
	Chi các lớp đào tạo	**135**	**135**					135				135					135					
*	Chi định mức của TT tư vấn và hỗ trợ KTTT	**284**	**284**					284	189	45		50			284							
73	**Hội chữ thập đỏ**	**1,866**	**1,866**					**1,866**	**945**	**271**		**650**			**1,866**							
	Chi định mức biên chế	**1,090**	**1,090**					1,090	819	271					1,090							
	Chi định mức biên chế Ban chỉ đạo hiến máu nhân đạo	**126**	**126**					126	126						126							
	Chi nghiệp vụ	**100**	**100**					100				100			100							
	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo vận động hiến máu nhân đạo tỉnh	**200**	**200**					200				200			200							
	Hỗ trợ kinh phí đi dự trại hè tình nguyện viên tại Thành phố HCM	**150**	**150**					150				150			150							
	Hỗ trợ chi công tác tuyên truyền vận động hiến máu nhân đạo	**200**	**200**					200				200			200							
74	**Ban đại diện Hội người cao tuổi**	**389**	**389**					**389**	**189**	**70**		**130**			**389**							
	Chi định mức	**259**	**259**					259	189	70					259							
	Mua giấy mừng thọ 50 triệu + chi nghiệp vụ 80 triệu	**130**	**130**					130				130			130							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
75	**Trung tâm hội nghị tỉnh**	**761**	**761**					**761**	**582**	**179**					**761**								
76	**Liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật tỉnh**	**2,682**	**2,682**					**2,682**	**756**	**206**		**1,720**			**1,932**								
	Chi định mức	**1,062**	**1,062**					1,062	756	206		100			1,062								
	Chi hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội các nhiệm vụ tỉnh giao + chi xuất bản tri thức trẻ đất Tổ; hỗ trợ hoạt động và khen thưởng các hội thành viên	**500**	**500**					500				500			500								
	Chi lập đề án phát triển hệ thống Liên hiệp các hội khoa học của tỉnh đến năm 2015 và tầm nhìn 2020	**70**	**70**					70				70			70								
	Chi mua sắm trang thiết bị + sửa chữa TS	**300**	**300**					300				300			300								
	Chi hoạt động các hội thi sáng tạo kỹ thuật (Liên hiệp các hội KH KT)	**750**	**750**					750				750											
77	**Sở Giáo dục**	**33,885**	**33,885**					**33,885**	**3,355**	**1,171**	**743**	**28,616**				**30.885**	**3,000**						
*	Chi định mức biên chế	**5,269**	**5,269**					5,269	3,355	1,171	743					5,269							
	Chi nghiệp vụ (Thi TN, Thi HSG, ban chỉ đạo kiên cố hoá trường lớp học ....)	**10,316**	**10,316**					10,316				10,316				10,316							
	Bổ sung thiết bị đa công nghệ thông tin vào trường học GD môn tin học.	**3,500**	**3,500**					3,500				3,500				3,500							
	Học bổng cho học sinh THPT đạt giải theo qui định của tỉnh:	**1,500**	**1,500**					1,500				1,500				1,500							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
	Chi thực hiện nhiệm vụ duy trì phổ cập các cấp	**300**	**300**					300				300				300							
	Chi thực hiện kế hoạch dạy và học ngoại ngữ	**2,500**	**2,500**					2,500				2,500				2,500							
	Chi ứng dụng tin học vào quản lý tài chính các trường trực thuộc Sở Giáo dục	**1,000**	**1,000**					1,000				1,000				1,000							
	Kinh phí khen thưởng thi đua của ngành	**3,500**	**3,500**					3,500				3,500				3,500							
	Chi khác giáo dục	**3,000**	**3,000**					3,000				3,000				3,000							
*	Đào tạo trên chuẩn cho giáo viên	**3,000**	**3,000**					3,000				3,000					3,000						
78	**Trường THPT Thanh Sơn**	**6,977**	**6,977**					**6,977**	**3,914**	**1,716**	**450**	**898**				**6,977**							
79	**Trường THPT Minh Đài**	**7,872**	**7,872**					**7,872**	**4,659**	**2,042**	**536**	**634**				**7,872**							
80	**Trường THPT Văn Miếu**	**4,258**	**4,258**					**4,258**	**2,510**	**1,100**	**106**	**542**				**4,258**							
81	**Trường THPT Hương Cần**	**6,942**	**6,942**					**6,942**	**4,062**	**1,781**	**430**	**669**				**6,942**							
82	**Trường THPT Thạch Kiệt**	**4,272**	**4,272**					**4,272**	**2,283**	**1,001**	**321**	**667**				**4,272**							
83	**Trường THPT Yên Lập**	**5,351**	**5,351**					**5,351**	**3,069**	**1,345**	**297**	**640**				**5,351**							
84	**Trường THPT Minh Hoà**	**4,226**	**4,226**					**4,226**	**2,559**	**1,122**	**253**	**292**				**4,226**							
85	**Trường THPT Lương Sơn**	**5,919**	**5,919**					**5,919**	**3,494**	**1,532**	**400**	**493**				**5,919**							
86	**Trường THPT Cẩm Khê**	**6,258**	**6,258**					**6,258**	**3,485**	**1,528**	**441**	**804**				**6,258**							
87	**Trường THPT Hiền Đa**	**5,412**	**5,412**					**5,412**	**3,054**	**1,339**	**396**	**624**				**5,412**							
88	**Trường THPT Phương Xá**	**5,332**	**5,332**					**5,332**	**3,061**	**1,342**	**252**	**677**				**5,332**							
89	**Trường THPT Hạ Hoà**	**4,991**	**4,991**					**4,991**	**2,833**	**1,242**	**318**	**598**				**4,991**							
90	**Trường THPT Xuân Áng**	**4,127**	**4,127**					**4,127**	**2,412**	**1,057**	**138**	**520**				**4,127**							
91	**Trường THPT Vĩnh Chân**	**3,806**	**3,806**					**3,806**	**2,169**	**951**	**191**	**495**				**3,806**							
92	**Trường THPT Thanh Ba**	**6,855**	**6,855**					**6,855**	**3,875**	**1,699**	**473**	**808**				**6,855**							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
93	Trường THPT Yển Khê	3,674	3,674					3,674	2,134	935	172	432				3,674							
94	Trường THPT Đoan Hùng	4,957	4,957					4,957	2,803	1,229	274	652				4,957							
95	Trường THPT Chân Mộng	4,497	4,497					4,497	2,594	1,137	206	560				4,497							
96	Trường THPT Quế Lâm	3,975	3,975					3,975	2,285	1,002	207	482				3,975							
97	Trường THPT Thanh Thuỷ	5,669	5,669					5,669	3,212	1,408	363	686				5,669							
98	Trường THPT Trung Nghĩa	3,857	3,857					3,857	2,241	982	144	489				3,857							
99	Trường THPT Phù Ninh	6,040	6,040					6,040	3,463	1,518	489	570				6,040							
100	Trường THPT Tử Đà	4,303	4,303					4,303	2,451	1,075	321	456				4,303							
101	Trường THPT Trung Giáp	4,341	4,341					4,341	2,499	1,095	319	428				4,341							
102	Trường THPT Long Châu Sa	6,482	6,482					6,482	3,633	1,593	514	743				6,482							
103	Trường THPT Phong Châu	6,054	6,054					6,054	3,431	1,504	410	709				6,054							
104	Trường THPT Mỹ Văn	4,923	4,923					4,923	2,788	1,222	337	576				4,923							
105	Trường THPT Tam Nông	5,797	5,797					5,797	3,199	1,402	554	643				5,797							
106	Trường THPT Hưng Hoá	3,268	3,268					3,268	1,862	816	159	430				3,268							
107	Trường THPT Hùng Vương	7,153	7,153					7,153	4,017	1,761	667	707				7,153							
108	Trường THPT Việt Trì	9,032	9,032					9,032	5,070	2,222	1,063	676				9,032							
109	Trường THPT CN Việt Trì	6,211	6,211					6,211	3,601	1,447	720	443				6,211							
110	Trường THPT KT Việt Trì	4,453	4,453					4,453	2,576	1,129	366	381				4,453							
111	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	14,311	14,311					14,311	8,079	3,541	1,088	1,603				14,311							
112	Trường THPT Dân tộc Nội trú Tỉnh	12,999	12,999					12,999	10,421	1,308	254	1,015				12.999							
113	Trường Dân tộc Nội Trú Thanh Sơn	10,560	10,560					10,560	8,254	1,244	311	751				10.560							
114	Trường Dân tộc Nội trú Yên Lập	7,888	7,888					7,888	6,234	900	212	543				7,888							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
115	Trường Dân tộc Nội trú Đoan Hùng	5,884	5,884					5,884	4,722	643	131	388				5,884							
116	Trường THCS - Dân tộc Nội trú Tơn Sơn	7,738	7,738					7,738	6,263	792	205	478				7,738							
117	Trung tâm GDTX - HN Lâm Thao	2,746	2,746					2,746	1,463	641	308	334				2,746							
118	Trung tâm GDTX Tam Nông	1,874	1,874					1,874	979	429	153	312				1,874							
119	Trung tâm GDTX- HN Cẩm Khê	2,154	2,154					2,154	1,120	491	213	330				2,154							
120	Trung tâm GDTX Thanh Ba	1,678	1,678					1,678	896	393	174	216				1,678							
121	Trung tâm GDTX Hạ Hoà	1,552	1,552					1,552	863	378	139	171				1,552							
122	Trung tâm GDTX-HN Đoan Hùng	2,338	2,338					2,338	1,198	525	182	433				2,338							
123	Trung tâm GDTX Yên Lập	1,534	1,534					1,534	787	345	73	328				1,534							
124	Trung tâm GDTX-HN Thanh Sơn	3,441	3,441					3,441	1,820	798	318	506				3,441							
125	Trung tâm GDTX Thanh Thuỷ	1,886	1,886					1,886	1,007	441	110	327				1,886							
126	Trung tâm GDTX Việt Trì	2,275	2,275					2,275	1,220	535	277	242				2,275							
127	Trung tâm GDTX thị xã Phú Thọ	1,937	1,937					1,937	1,010	443	224	259				1,937							
128	Trung tâm GDTX - HN Tân Sơn	2,350	2,350					2,350	1,254	550	104	442				2,350							
129	Trung tâm GDTX Phù Ninh	1,884	1,884					1,884	1,069	469	125	221				1,884							
130	Trung tâm KT-TH-HN tỉnh	5,569	5,569					5,569	2,412	1,757	421	979				5,569							
131	Trung tâm KT-TH-HN Phù Ninh	1,298	1,298					1,298	737	323	92	146				1,298							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
132	**Trung tâm KT-TH-HN Phú Thọ**	**1,125**	**1,125**					**1,125**	**567**	**249**	**95**	**214**				**1,125**						
133	**Trường Mầm non Hoà Phong**	**5,289**	**5,289**					**5,289**	**2,918**	**1,279**	**513**	**579**				**5,289**						
134	**Trường Bồi dưỡng nhà giáo và CBQL Giáo dục**	**4,409**	**4,409**					**4,409**	**1,990**	**872**	**373**	**1,173**				**3,630**	**778**					
-	**Chi định mức biên chế**	**3,630**	**3,630**					**3,630**	**1,990**	**872**	**373**	**395**				**3,630**						
-	**Chi các lớp đào tạo**	**778**	**778**					**778**				**778**					**778**					
135	**Trung tâm ngoại ngữ và tin học**	**3,155**	**3,155**					**3,155**	**1,376**	**603**	**150**	**1,025**				**2,402**	**752**					
-	**Chi định mức biên chế**	**2,402**	**2,402**					**2,402**	**1,376**	**603**	**150**	**273**				**2,402**						
	Chi các lớp đào tạo	**752**	**752**					**752**				**752**					**752**					
136	**Trường trung cấp nông lâm nghiệp Phú Thọ**	**4,966**	**4,966**					**4,966**	**2,097**	**919**	**88**	**1,862**					**4,966**					
137	**Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật**	**11,333**	**11,333**					**11,333**	**4,764**	**2,088**	**557**	**3,924**					**11,333**					
138	**Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh**	**6,948**	**6,948**					**6,948**	**1,866**	**818**	**256**	**4,008**					**6,948**					
139	**Trường chính trị tỉnh**	**10,285**	**10,285**					**10,285**	**4,551**	**1,782**	**392**	**3,561**					**10.285**					
	Chi theo định mức (đã trừ K p năm trước chưa thực hiện nhiệm vụ chuyển sang năm 2013: 3.061 triệu)	**6,238**	**6,238**					6,238	4,065	1,782	392						6,238					
	Chi hỗ trợ tiền ăn các lớp trung cấp chính trị chính quy	**486**	**486**					486	486								486					
	Kinh phí chi sửa chữa, mua sắm, xây dựng cơ sở vật chất kỷ niệm 50 năm thành lập trường	**3,061**	**3,061**					3,061				3,061					3,061					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy	**500**	**500**					500				500					500					
140	**Trường Đại học Hùng Vương**	**64,777**	**64,777**					**64,777**	**21.550**	**7,737**	**1,959**	**33,531**					**64.777**					
	Theo định mức + phân bổ học sinh	**46,245**	**46,245**					46,245	17,650	7,737	1,959	18,899					46,245					
	Đào tạo 40 sinh viên Lào (trong đó có cấp bù 4 tháng cho 10 sinh viên năm 2012)	**3,000**	**3,000**					3,000	3,000								3,000					
	Chi trợ cấp xã hội theo TT LT số 53/1998/TTLT/BGD ĐT-BTC-BLĐTBXH và TTLT số 18/2009/TTLT	**900**	**900**					900	900								900					
	Chi đào tạo theo học chế tín chỉ	**3,000**	**3,000**					3,000				3,000					3,000					
	Phân bổ thêm theo khu vực	**9,633**	**9,633**					9,633				9,633					9,633					
	Kinh phí đào tạo GV chất lượng cao	**2,000**	**2,000**					2,000				2,000					2,000					
141	**Trường Cao đẳng y tế**	**10,257**	**10,257**					**10,257**	**4,955**	**727**	**528**	**4,047**					**10.257**					
142	**Trường Trung học văn hoá nghệ thuật**	**3,624**	**3,624**					**3,624**	**1,551**	**264**	**128**	**1,681**					**3,624**					
	Chi định mức+phân bổ học sinh	**2,724**	**2,724**					2,724	1,551	264	128	781					2,724					
	Kinh phí tham gia các hội diễn + các hội thi ...	**400**	**400**					400				400					400					
	Kinh phí mua sắm thiết bị + sửa chữa đường điện	**500**	**500**					500				500					500					
143	**Trường Cao đẳng nghề Phú Thọ**	**11,805**	**11,805**					**11,805**	**3,344**	**1,466**	**162**	**6,833**					**11,805**					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Theo định mức + phân bổ học sinh	**11,505**	**11,505**					11,505	3,344	1,466	162	6,533					11,505					
	Chi tư vấn dạy nghề; 300 triệu	**300**	**300**					300				300					300					
144	**Trung cấp nghề công nghệ và VT Phú Thọ**	**5,390**	**5,390**					**5,390**	**1,421**	**623**	**112**	**3,235**					**5,190**					**200**
	Theo định mức + phân bổ học sinh	**4,690**	**4,690**					4,690	1,421	623	112	2,535					4,690					
	Hỗ trợ mua sắm thiết bị	**500**	**500**					500				500					500					
	Chi công tác tư vấn, định hướng dạy nghề	**200**	**200**					200				200										200
145	**Trung tâm giới thiệu việc làm Phú Thọ**	**4,181**	**4,181**					**4,181**	**1,350**	**414**		**2,417**					**2,881**					**1,300**
	Theo định mức + phân bổ học sinh	**2,181**	**2,181**					2,181	1,350	414		417					2,181					
	Hỗ trợ mua sắm sửa chữa thiết bị	**700**	**700**					700				700					700					
	Kinh phí tổ chức sàn giao dịch việc làm	**1,000**	**1,000**					1,000				1,000										1,000
	Chi công tác tư vấn, định hướng dạy nghề	**300**	**300**					300				300										300
146	**TT HN Dạy nghề và GTVL Thanh niên**	**850**	**850**					**850**	**432**	**88**		**331**					**850**					
147	**Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú Phú Thọ**	**3,468**	**3,468**					**3,468**	**1,527**	**448**	**215**	**1,278**					**3,468**					
	Theo định mức + phân bổ học sinh	**2,564**	**2,564**					2,564	1,023	448	215	878					2,564					
	Học bổng 50 học sinh dân tộc nội trú học nghề	**504**	**504**					504	504								504					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Chi tư vấn dạy nghề; 200 triệu; mua sắm thiết bị 200 triệu	**400**	**400**					400				400					400					
148	**Trường năng khiếu Thể dục thể thao**	**10,716**	**10,716**					**10,716**	**9,374**	**475**	**30**	**837**					**10,716**					
	Chi định mức	**2,366**	**2,366**					2,366	1,024	475	30	837					2,366					
	Kinh phí đào tạo vận động viên (tiền ăn, tiền công +...)	**8,350**	**8,350**					8,350	8,350								8,350					
149	**Trung tâm dạy nghề Hạ Hoà**	**1,341**	**1,341**					**1,341**	**540**	**178**	**28**	**595**					**1,341**					
	Theo định mức + phân bổ học sinh	**941**	**941**					941	540	178	28	195					941					
	Chi tư vấn dạy nghề; 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu	**400**	**400**					400				400					400					
150	**Trung tâm dạy nghề Đoan Hùng**	**1,509**	**1,509**					**1,509**	**648**	**207**	**59**	**595**					**1,509**					
	Theo định mức + phân bổ học sinh	**1,109**	**1,109**					1,109	648	207	59	195					1,109					
	Chi tư vấn dạy nghề 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu	**400**	**400**					400				400					400					
151	**Trung tâm dạy nghề Tân Sơn**	**2,061**	**2,061**					**2,061**	**880**	**270**	**282**	**629**					**2,061**					
	Theo định mức + phân bổ học sinh	**1,661**	**1,661**					1,661	880	270	282	229					1,661					
	Chi tư vấn dạy nghề 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu	**400**	**400**					400				400					400					
152	**Trung tâm dạy nghề Yên Lập**	**1,584**	**1,584**					**1,584**	**540**	**183**	**290**	**571**					**1,584**					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
	Theo định mức + phân bổ học sinh	**1,184**	**1,184**					1,184	540	183	290	171					1,184						
	Chi tư vấn dạy nghề; 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu	**400**	**400**					400				400					400						
153	**Trung tâm dạy nghề Tam Nông**	**1,272**	**1,272**					**1,272**	**540**	**171**	**27**	**534**					**1,272**						
	Theo định mức + phân bổ học sinh	**872**	**872**					872	540	171	27	134					872						
	Chi tư vấn dạy nghề; 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu	**400**	**400**					400				400					400						
154	**Trung tâm dạy nghề Sông Đà-Thanh Thuỷ**	**1,305**	**1,305**					**1,305**	**540**	**189**	**41**	**534**					**1,305**						
	Theo định mức + phân bổ học sinh	**905**	**905**					905	540	189	41	134					905						
	Chi tư vấn dạy nghề; 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu	**400**	**400**					400				400					400						
155	**Trung tâm dạy nghề Cẩm Khê**	**1,274**	**1,274**					**1,274**	**540**	**194**	**38**	**502**					**1,274**						
	Theo định mức + phân bổ học sinh	**874**	**874**					874	540	194	38	102					874						
	Chi tư vấn dạy nghề; 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu	**400**	**400**					400				400					400						
156	**Trung tâm dạy nghề Lâm Thao**	**1,253**	**1,253**					**1,253**	**540**	**169**	**38**	**506**					**1,253**						
	Theo định mức + phân bổ học sinh	**853**	**853**					853	540	169	38	106					853						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
	Chi tư vấn dạy nghề ; 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu	**400**	**400**					400				400					400						
157	**Trung tâm đào tạo và GTVL công đoàn**	**308**	**308**					**308**				**308**					**308**						
158	**Trung tâm giới thiệu việc làm nông dân**	**370**	**370**					**370**				**370**					**370**						
159	**Trung tâm Giới thiệu Việc làm phụ nữ**	**403**	**403**					**403**				**403**					**403**						
160	**Trường Trung cấp Nghề HERMANGMEINR**	**239**	**239**					**239**				**239**					**239**						
161	**Hội khuyến học**	**412**	**412**					**412**	**315**	**97**							**412**						
162	**Sở Y tế**	**15,194**	**15,194**					**15,194**	**2,232**	**581**	**381**	**12,000**						**15,194**					
	Định mức chi theo biên chế	**3,194**	**3,194**					3,194	2,232	581	381							3,194					
	Nghiệp vụ ngành	**6,000**	**6,000**					6,000				6,000						6,000					
	Phòng chống dịch .	**4,000**	**4,000**					4,000				4,000						4,000					
	Đào tạo bác sỹ sau ĐH:	**2,000**	**2,000**					2,000				2,000						2,000					
163	**Bệnh viện đa khoa Tỉnh:**	**67,085**	**67,085**					**67,085**	**49.206**	**12,327**	**5,552**							**67.085**					
	Chi định mức	**61,879**	**61,879**					61,879	44,000	12,327	5,552							61,879					
	Phân bổ bệnh viện mang tính chất khu vực	**5,206**	**5,206**					5,206	5,206									5,206					
164	**Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ:**	**16,921**	**16,921**					**16,921**	**10.000**	**4,779**	**2,142**							**16,921**					
165	**Bệnh viện Lao :**	**8,512**	**8,512**					**8,512**	**5,000**	**2,517**	**995**							**8,512**					
	Chi định mức	**8,512**	**8,512**					8,512	5,000	2,517	995							8,512					
166	**Bệnh viện Tâm thần:**	**8,169**	**8,169**					**8,169**	**5,000**	**2,121**	**1,048**							**8,169**					
	Chi định mức	**8,169**	**8,169**					8,169	5,000	2,121	1,048							8,169					
167	**Bệnh viện Y dược cổ truyền**	**6,939**	**6,939**					**6,939**	**4,600**	**1,597**	**742**							**6,939**					
168	**Bệnh viện điều dưỡng và PHCN**	**7,539**	**7,539**					**7,539**	**4,830**	**1,943**	**766**							**7,539**					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
169	**Bệnh viện đa khoa Phù Ninh**	**6,478**	**6,478**					**6,478**	**4,600**	**1,481**	**397**							**6,478**				
170	**Trung tâm y tế dự phòng**	**5,492**	**5,492**					**5,492**	**3,752**	**1,281**	**459**							**5,492**				
171	**Trung tâm Chăm sóc mắt**	**3,404**	**3,404**					**3,404**	**2,542**	**662**	**200**							**3,404**				
172	**Trung tâm chăm sóc SKSS**	**2,575**	**2,575**					**2,575**	**1,749**	**624**	**202**							**2,575**				
173	**Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm**	**2,343**	**2,343**					**2,343**	**1,736**	**443**	**164**							**2,343**				
174	**Trung tâm Giám định Y khoa**	**1,254**	**1,254**					**1,254**	**896**	**267**	**91**							**1,254**				
175	**Trung tâm Giám định Pháp y**	**1,143**	**1,143**					**1,143**	**896**	**171**	**76**							**1,143**				
176	**Trung tâm Giám định pháp y Tâm thần**	**677**	**677**					**677**	**448**	**150**	**79**							**677**				
177	**Hội đồng y**	**117**	**117**					**117**	**82**	**35**								**117**				
178	**Trung tâm truyền thông giáo dục sức khoẻ**	**1,072**	**1,072**					**1,072**	**896**	**134**	**42**							**1,072**				
179	**Trung tâm phòng chống HIV/ AIDS**	**2,429**	**2,429**					**2,429**	**1,736**	**448**	**245**							**2,429**				
180	**Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm**	**1,726**	**1,726**					**1,726**	**1,197**	**316**	**212**							**1,726**				
181	**Bệnh viện đa khoa Thanh Ba**	**5,377**	**5,377**					**5,377**	**3,800**	**1,213**	**364**							**5,377**				
182	**Bệnh viện đa khoa Hạ Hoà**	**8,117**	**8,117**					**8,117**	**5,700**	**1,825**	**592**							**8,117**				
183	**Bệnh viện đa khoa Đoan Hùng**	**7,725**	**7,725**					**7,725**	**5,700**	**1,487**	**538**							**7,725**				
184	**Bệnh viện đa khoa Tam Nông**	**5,481**	**5,481**					**5,481**	**3,800**	**1,268**	**413**							**5,481**				
185	**Bệnh viện đa khoa Lâm Thao**	**5,506**	**5,506**					**5,506**	**3,800**	**1,163**	**543**							**5,506**				
186	**Bệnh viện đa khoa Cẩm Khê**	**7,348**	**7,348**					**7,348**	**5,320**	**1,543**	**485**							**7,348**				
187	**Bệnh viện đa khoa Thanh Thuỷ**	**5,295**	**5,295**					**5,295**	**3,800**	**1,101**	**394**							**5,295**				
188	**Bệnh viện đa khoaYên Lập**	**6,234**	**6,234**					**6,234**	**4,350**	**1,461**	**423**							**6,234**				

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
189	**Bệnh viện đa khoa Thanh Sơn**	**8,197**	**8,197**					**8,197**	**5,571**	**2,081**	**545**							**8,197**				
190	**Bệnh viện đa khoa Tân Sơn**	**7,638**	**7,638**					**7,638**	**5,425**	**1,897**	**316**							**7,638**				
191	**Trung tâm Y tế Việt Trì**	**13,663**	**13,663**					**13,663**	**8,500**	**3,156**	**1,355**	**653**						**13.633**				
	Trung tâm Y tế	**3,162**	**3,162**					3,162	2,304	646	212							3,162				
	Y tế khối xã, phường	**10,501**	**10,501**					10,501	6,196	2,510	1,143	653						10,501				
192	**Trung tâm Y tế Phú Thọ**	**6,975**	**6,975**					**6,975**	**4,178**	**1,539**	**979**	**279**						**6,975**				
	Trung tâm Y tế	**2,405**	**2,405**					2,405	1,600	518	287							2,405				
	Y tế khối xã, phường	**4,570**	**4,570**					4,570	2,578	1,022	692	279						4,570				
193	**Trung tâm Y tế Thanh Ba**	**15,949**	**15,949**					**15,949**	**10,541**	**3,493**	**1,065**	**850**						**15.949**				
	Trung tâm Y tế	**3,305**	**3,305**					3,305	2,560	574	171							3,305				
	Y tế khối xã, phường	**12,644**	**12,644**					12,644	7,981	2,919	894	850						12,644				
194	**Trung tâm Y tế Hạ Hoà**	**18,720**	**18,720**					**18,720**	**12.430**	**4,137**	**1,186**	**967**						**18.720**				
	Trung tâm Y tế	**3,287**	**3,287**					3,287	2,560	583	144							3,287				
	Y tế khối xã, phường	**15,432**	**15,432**					15,432	9,870	3,554	1,042	967						15,432				
195	**Trung tâm Y tế Đoan Hùng**	**17,998**	**17,998**					**17,998**	**11,978**	**4,098**	**1,089**	**833**						**17.998**				
	Trung tâm Y tế	**3,410**	**3,410**					3,410	2,560	674	176							3,410				
	Y tế khối xã, phường	**14,588**	**14,588**					14,588	9,418	3,424	913	833						14,588				
196	**Trung tâm Y tế Tam Nông**	**12,342**	**12,342**					**12,342**	**8,115**	**2,775**	**827**	**625**						**12.342**				
	Trung tâm Y tế	**2,894**	**2,894**					2,894	2,112	591	191							2,894				
	Y tế khối xã, phường	**9,449**	**9,449**					9,449	6,003	2,184	636	625						9,449				
197	**Trung tâm Y tế Lâm Thao**	**9,431**	**9,431**					**9,431**	**6,171**	**2,016**	**839**	**405**						**9,431**				
	Trung tâm Y tế	**2,643**	**2,643**					2,643	1,984	469	190							2,643				
	Y tế khối xã, phường	**6,788**	**6,788**					6,788	4,187	1,548	649	405						6,788				
198	**Trung tâm Y tế Phù Ninh**	**12,244**	**12,244**					**12,244**	**8,036**	**2,832**	**816**	**560**						**12.244**				
	Trung tâm Y tế	**2,955**	**2,955**					2,955	2,112	668	175							2,955				
	Y tế khối xã, phường	**9,289**	**9,289**					9,289	5,924	2,163	641	560						9,289				

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ										
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
199	**Trung tâm Y tế Cẩm Khê**	**18,554**	**18,554**					**18,554**	**12.286**	**4,155**	**1,184**	**929**						**18.554**				
	Trung tâm Y tế	**3,395**	**3,395**					3,395	2,560	676	159							3,395				
	Y tế khối xã, phường	**15,159**	**15,159**					15,159	9,726	3,479	1,025	929						15,159				
200	**Trung tâm Y tế Thanh Thuỷ**	**10,518**	**10,518**					**10,518**	**7,032**	**2,327**	**725**	**435**						**10,518**				
	Trung tâm Y tế	**2,797**	**2,797**					2,797	2,112	523	162							2,797				
	Y tế khối xã, phường	**7,721**	**7,721**					7,721	4,920	1,804	563	435						7,721				
201	**Trung tâm Y tế Yên Lập**	**17,585**	**17,585**					**17,585**	**11,620**	**4,210**	**1,143**	**612**						**17.585**				
	Trung tâm Y tế	**2,944**	**2,944**					2,944	2,112	636	196							2,944				
	Y tế khối xã, phường	**13,431**	**13,431**					13,431	8,666	3,206	947	612						13,431				
	Y tế vùng cao	**1,210**	**1,210**					1,210	841	369								1,210				
202	**Trung tâm Y tế Thanh Sơn**	**19,974**	**19,974**					**19,974**	**13.432**	**4,701**	**1,036**	**805**						**19.979**				
	Trung tâm Y tế	**3,441**	**3,441**					3,441	2,560	674	207							3,441				
	Y tế khối xã, phường	**15,400**	**15,400**					15,400	10,084	3,681	829	805						15,400				
	Y tế vùng cao	**1,133**	**1,133**					1,133	787	345								1,133				
203	**Trung tâm Y tế Tân Sơn**	**18,147**	**18,147**					**18,147**	**12.526**	**4,411**	**598**	**611**						**18,147**				
	Trung tâm Y tế	**4,446**	**4,446**					4,446	3,407	925	115							4,446				
	Y tế khối xã, phường	**11,962**	**11,962**					11,962	7,911	2,957	483	611						11,962				
	Y tế vùng cao	**1,738**	**1,738**					1,738	1,208	530								1,738				
204	**Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình**	**10,216**	**10,216**					**10,216**	**6,567**	**1,961**	**313**	**1,375**						**10,216**				
*	Chi cục Dân số - KHHGĐ	**3,321**	**3,321**					3,321	1,342	326	277	1,375						3,321				
-	Chi theo định mức biên chế:	**1,946**	**1,946**					1,946	1,342	326	277							1,946				
-	Chi nghiệp vụ dân số	**300**	**300**					300				300						300				
-	Hỗ trợ thù lao cộng tác viên (3230 CTV x 20.000đ/ tháng x 12 tháng)	**775**	**775**					775				775						775				

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa TSCĐ	**300**	**300**					300				300						300				
*	TTDS-KHHGĐ Việt Trì	**497**	**497**					497	392	105								497				
*	TTDS-KHHGĐ TX Phú Thọ	**511**	**511**					511	392	119								511				
*	TTDS-KHHGĐ Tam Nông	**516**	**516**					516	392	124								516				
*	TTDS-KHHGĐ Thanh Thuỷ	**511**	**511**					511	392	119								511				
*	TTDS-KHHGĐ Thanh Sơn	**510**	**510**					510	392	118								510				
*	TTDS-KHHGĐ Tân Sơn	**748**	**748**					748	521	190	36							748				
*	TTDS-KHHGĐ Yên Lập	**538**	**538**					538	392	146								538				
*	TTDS-KHHGĐ Cẩm Khê	**500**	**500**					500	392	108								500				
*	TTDS-KHHGĐ Thanh Ba	**529**	**529**					529	392	137								529				
*	TTDS-KHHGĐ Hạ Hoà	**539**	**539**					539	392	147								539				
*	TTDS-KHHGĐ Đoan Hùng	**498**	**498**					498	392	106								498				
*	TTDS-KHHGĐ Phù Ninh	**517**	**517**					517	392	125								517				
*	TTDS-KHHGĐ Lâm Thao	**482**	**482**					482	392	90								482				
205	**Thư viện khoa học tổng hợp**	**3,318**	**3,318**					**3,318**	**1,242**	**376**		**1,700**							**3,318**			
	Chi định mức	**1,918**	**1,918**					1,918	1,242	376		300							1,918			
	Kinh phí mua sắm tài sản + công cụ phục vụ nghiệp vụ	**500**	**500**					500				500							500			
	Kinh phí sử lý mối, bảo quản sách	**300**	**300**					300				300							300			
	Bổ sung sách báo hàng năm cho thư viện tỉnh	**600**	**600**					600				600							600			
206	**Khu di tích lịch sử Đền Hùng**	**6,855**	**6,855**					**6,855**	**3,813**	**1,342**		**1,700**							**5,155**			
	Chi định mức	**5,155**	**5,155**					5,155	3,813	1,342		-							5,155			

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ										
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Kinh phí chăm sóc cây, hoa cảnh và vệ sinh môi trường Khu Di tích Đền Hùng	**1,700**	**1,700**					1,700				1,700										
207	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Đền Hùng**	**307**	**307**					**307**	**220**	**87**									**307**			
208	**Liên hiệp Hội văn học nghệ thuật**	**1,590**	**1,590**					**1,590**	**594**	**163**		**833**							**1,590**			
+	Chi định mức	**757**	**757**					757	594	163		-							757			
+	Kinh phí hoạt động 9 chuyên ngành	**180**	**180**					180				180							180			
+	Trao thưởng hàng năm của 9 chuyên ngành	**123**	**123**					123				123							123			
+	Kinh phí mở lớp năng khiếu sáng tạc bồ dưỡng tài năng trẻ	**70**	**70**					70				70							70			
+	Hỗ trợ: Kinh phí tổ chức trại sáng tác âm nhạc về hát Xoan (40Triệu)+ Kinh phí in tập sách " Tuyển tập các ca khúc Phú Thọ ": 30 triệu; Kinh phí tổ chức ngày thơ VN năm 2013:30 triệu	**100**	**100**					100				100							100			
+	Chi hỗ trợ hoạt động 6 chi hội trực thuộc Trung ương tại tỉnh Phú Thọ	**60**	**60**					60				60							60			
+	Hỗ trợ kinh phí trả nhuận bút	**300**	**300**					300				300							300			
209	**Tạp chí văn nghệ Đất Tổ**	**1,067**	**1,067**					**1,067**	**388**	**129**		**550**							**1,067**			
	Chi định mức	**517**	**517**					517	388	129									517			
	Hỗ trợ trả nhuận bút TCVNĐT và phụ san	**500**	**500**					500				500							500			

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ										
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Cấp tạp chí VH đất tổ cho các xã ĐBKK+ATK	**50**	**50**					50				50							50			
210	**Hội Nhà báo**	**683**	**683**					**683**	**220**	**63**		**400**							**683**			
	Chi định mức	**283**	**283**					283	220	63									283			
	Chi giải thưởng hội nhà báo hàng năm	**100**	**100**					100				100							100			
	Chi nghiệp vụ	**300**	**300**					300				300							300			
211	**TT phát hành phim và chiếu bóng**	**4,544**	**4,544**					**4,544**	**3,820**	**54**		**670**							**4,544**			
	Chi định mức biên chế	**542**	**542**					542	388	54		100							542			
	Chi sửa chữa tài sản + sửa chữa nhà	**300**	**300**					300				300							300			
	Chi mua sắm 3 bộ máy chiếu phim kỹ thuật số	**270**	**270**					270				270							270			
	Chi trợ giá các buổi chiếu phim miền núi 2.051.000đ x 1.599 buổi, phim thiếu nhi 90 buổi *1.763.000đ	**3,432**	**3,432**					3,432	3,432			-							3,432			
212	**TT huấn luyện thể dục thể thao**	**11,266**	**11,266**					**11,266**	**1,855**	**411**		**9,000**								**11,266**		
	Chi định mức biên chế	**2,266**	**2,266**					2,266	1,855	411										2,266		
	Chi thể thao thành tích cao	**9,000**	**9,000**					9,000				9,000								9,000		
213	**Trung tâm Khai thác các công trình Thể thao**	**3,536**	**3,536**					**3,536**	**340**	**112**		**3,084**								**3,536**		
	Chi định mức	**652**	**652**					652	340	112		200								652		
	Chi tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh	**1,224**	**1,224**					1,224				1,224								1,224		
	Chi thưởng giải Cúp Hùng Vương	**360**	**360**					360				360								360		
	Mua sắm tài sản	**300**	**300**					300				300								300		

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Chi duy trì và sửa chữa nhỏ khu liên hiệp	**1,000**	**1,000**					1,000				1,000								1,000		
214	**Đài truyền hình Phú Thọ**	**11,944**	**11,944**					**11,944**	**3,627**	**1,238**		**7,079**									**11.944**	
	Chi định mức	**4,865**	**4,865**					4,865	3,627	1,238											4,865	
	Chi tiền nhuận bút (đã bao gồm sản phẩm đăng tải trên Websile đài PT-TH Phú Thọ)	**4,450**	**4,450**					4,450				4,450									4,450	
	Chi tăng thời lượng phát sóng	**900**	**900**					900				900									900	
	Chi nghiệp vụ	**1,729**	**1,729**					1,729				1,729									1,729	
215	**Vườn Quốc gia Xuân Sơn**	**5,113**	**5,113**					**5,113**	**1,802**	**811**	**1,350**	**1,150**										
	Chi định mức Vườn Quốc gia Xuân Sơn	**4,863**	**4,863**					4,863	1,802	811	1,350	900										
	Chi sửa chữa trạm Xuân Sơn	**250**	**250**					250				250										
216	**Trung tâm khuyến nông**	**4,729**	**4,729**					**4,729**	**1,782**	**447**		**2,500**										
	Chi định mức	**2,229**	**2,229**					2,229	1,782	447												
	Thông tin tuyên truyền	**200**	**200**					200				200										
	Tham quan học tập	**100**	**100**					100				100										
	Tập huấn, huấn luyện	**200**	**200**					200				200										
	Tổ chức tuyên truyền nhân rộng mụ hình thâm canh cải tạo Vườn bưởi Đoan Hùng	**200**	**200**					200				200										
	XD mô hình trình diễn, khuyến nông, khuyến ngư trọng điểm	**1,800**	**1,800**					1,800				1,800										
217	**Trung tâm Giống vật nuôi Phú Thọ**	**2,745**	**2,745**					**2,745**	**713**	**232**		**1,800**										
	Chi định mức biên chế	**1,245**	**1,245**					1,245	713	232		300										
	Hỗ trợ sản xuất giống lợn gốc ông bà để sản xuất giống bố mẹ chất lượng	**400**	**400**					400				400										

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	Hỗ trợ sản xuất gà giống	**200**	**200**					200				200										
	Chi mua săm + sửa chữa tài sản	**400**	**400**					400				400										
	Hỗ trợ sản xuất tinh dịch lợn	**200**	**200**					200				200										
	Chi hỗ trợ chương trình tinh bò thịt	**300**	**300**					300				300										
218	**Trung tâm Công nghệ thông tin Sở Tài nguyên MT**	**1,249**	**1,249**					**1,249**	**330**	**119**	**-**	**800**										
	Chi định mức	**949**	**949**					949	330	119		500										
	Mua sắm sửa chữa thiết bị	**300**	**300**					300				300										
219	**Trung tâm quan trắc và bảo vệ môi trường**	**777**	**777**					**777**	**330**	**97**		**350**										
220	**Trung tâm kỹ thuật công nghệ tài nguyên**	**1,203**	**1,203**					**1,203**	**523**	**230**		**450**										
221	**Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất**	**579**	**579**					**579**	**340**	**90**		**150**										
222	**Trung tâm phát triển quỹ đất**	**989**	**989**					**989**	**570**	**169**		**250**										
223	**Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh Phú Thọ**	**126**	**126**					**126**	**126**						**126**							
224	**Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Phú Thọ**	**189**	**189**					**189**	**189**						**189**							
225	**Hội người mù**	**252**	**252**					**252**	**252**						**252**							
226	**Hội luật gia**	**126**	**126**					**126**	**126**						**126**							
227	**Hội nạn nhân chất độc da cam/ diôxin**	**126**	**126**					**126**	**126**						**126**							
II	**Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác**	**31,333**	**31,333**					**31,333**				**31,333**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
	- Kinh phí thực hiện các chính sách huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP	14,333	14,333					14,333				14,333										

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	- Kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch	7,000	7,000					7,000				7,000										
	- Kinh phí giải phóng mặt bằng Lòng Hồ và cảnh quan công viên Văn Lang	10,000	10,000					10,000				10,000										
III	**Chi an ninh**	**8,700**	**8,700**					**8,700**				**8,700**										
IV	**Chi quốc phòng**	**18,160**	**18,160**					**18,160**				**18,160**										
V	**Chi hỗ trợ thực hiện Luật Dân quân tự vệ và Pháp lệnh Công an xã (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)**	**29,270**	**29,270**					**29,270**				**29,270**										
VI	**Chi khác ngân sách**	**10,000**	**10,000**					**10,000**				**10,000**										
VII	**MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC THEO CHẾ ĐỘ**	**1.015.729**	**1.015.729**					**1.015.729**	**67.573**	**-**	**211.703**	**136.453**	**43.548**	**13.320**	**3,800**	**339.141**	**30.387**	**176.192**	**26.055**	**3,800**	**-**	**11,951**
1	Kinh phí thi đua khen thưởng	**6,000**	**6,000**					6,000				6,000	6,000									
2	Chi cải cách hành chính	**500**	**500**					500				500	500									
3	Kinh phí kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật các ngành	**400**	**400**					400				400	400									
4	Rà soát, khảo sát hộ nghèo, cận nghèo; Kinh phí thống kê, tổng hợp 18 chỉ tiêu cấp xã; Rà soát, khảo sát thống kê hộ, nhân khẩu ...	**450**	**450**					450				450	100									350
5	Sửa chữa, mua sắm phương tiện năm 2013	**15,000**	**15,000**					15,000				15,000	15,000									
6	Kinh phí tổ chức thực hiện những ngày lễ lớn	**3,000**	**3,000**					3,000				3,000	3,000									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
7	Chi bổ sung có mục tiêu theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho quản lý hành chính	**9,000**	**9,000**					9,000	-	-	-	9,000	9,000	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa hạng mục công trình nhà làm việc UBND huyện Hạ Hòa	4,000	4,000					4,000				4,000	4,000									
	- Kinh phí cải tạo, nâng cấp nhà làm việc Sở Tài chính	4,000	4,000					4,000				4,000	4,000									
	- Kinh phí hỗ trợ thiết bị và hoạt động nghiệp vụ hệ thống triển khai diện rộng Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS) ngành tài chính	1,000	1,000					1,000				1,000	1,000									
8	Kinh phí thực hiện ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin của các cơ quan QLNN	**2,048**	**2,048**					2,048				2,048	2,048									
9	Chi nghiệp vụ đối ngoại và xúc tiến đầu tư	**3,500**	**3,500**					3,500				3,500	3,500									
10	Kinh phí đối ứng các dự án có tính chất sự nghiệp (*trong đó có 1,5 tỷ đồng vốn đối ứng của Dự án xây dựng mô hình sản xuất rau ,quả an toàn trái vụ theo tiêu chuẩn Viet GAP của Thành phố Việt Trì*)	**4,000**	**4,000**					4,000				4,000	4,000									
11	Các nhiệm vụ phát sinh khối tỉnh uỷ	**1,500**	**1,500**					1,500				1,500		1,500								
12	Chi dự phòng khối đảng	**1,500**	**1,500**					1,500				1,500		1,500								

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
13	Kinh phí hỗ trợ chênh lệch giữa giá in và giá bán báo Phú Thọ	**1,320**	**1,320**					1,320				1,320		1,320									
14	Chi xây dựng nhà lưu trữ và trung tâm công nghệ thông tin; xây dựng hàng rào	**9,000**	**9,000**					9,000				9,000		9,000									
15	Chi đảm bảo hoạt động khối đoàn thể	**900**	**900**					900				900			900								
16	Chi các nghiệp vụ phát sinh theo kết luận của TTTU	**1,300**	**1,300**					1,300				1,300			1,300								
17	Kinh phí hỗ trợ thành lập HTX	**600**	**600**					600				600			600								
18	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp	**1,000**	**1,000**					1,000				1,000			1,000								
19	Chi hỗ trợ tiền ăn + luyện tập vận động viên + HLV	**3,500**	**3,500**					3,500				3,500				3,500							
20	Hỗ trợ các trường mầm non + THPT đạt chuẩn quốc gia	**5,700**	**5,700**					5,700				5,700				5,700							
21	Chi thực hiện đề án phổ cập GDMN	**6,000**	**6,000**					6,000				6,000				6,000							
22	Kinh phí thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP	**36,965**	**36,965**					36,965				36,965				36,965							
23	Dự kiến các nhiệm vụ phát sinh + tăng biên chế khối tỉnh	**7,700**	**7,700**					7,700				7,700				7,700							
24	Kinh phí tuyển giáo viên mầm non ngoài biên chế vào biên chế năm 2013 (736 cô) + 940 cô NBC tỉnh hỗ trợ kinh phí theo NQ	**51,130**	**51,130**					51,130	51,130							51,130							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
25	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi theo Quyết định 60/20110/QĐ-TTg (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương)	**16,443**	**16,443**					16,443	16,443							16,443						
26	Kinh phí thực hiện Nghị định 54/2011/NĐ-CP	**211,703**	**211,703**					211,703			211,703					211,703						
27	Hỗ trợ tuyên truyền phổ biến pháp luật	**500**	**500**					500				500					500					
28	Chi chế độ sinh viên cử tuyển trả cho các trường đại học	**2,000**	**2,000**					2,000				2,000					2,000					
29	In và phát hành Công báo của tỉnh	**3,000**	**3,000**					3,000				3,000					3,000					
30	Kinh phí thực hiện thuỷ lợi phí	**63,633**	**63,633**					63,633				63,633										
31	Chi bổ sung có mục tiêu theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho SN thuỷ lợi	**41,000**	**41,000**	-	-	-	-	**41,000**	-	-	-	**41,000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thuỷ lợi 4 xã phía Bắc và dự án cải tạo hệ thống thuỷ lợi 3 xã Hoàng Xá, Sơn Thủy, Trung Thịnh huyện Thanh Thuỷ	9,000	9,000					9,000				9,000										
	Cải tạo, sửa chữa kè chống sạt lở đê Tả Thao đoạn km36+250 - km37+797 xã Hoàng Cương huyện Thanh Ba	11,000	11,000					11,000				11,000										
	- Công trình trạm bơm tiêu và hệ thống kênh tiêu đồng Láng Bỗng xã Thanh Đình và xã Thuỵ Vân thành phố Việt Trì	11,000	11,000					11,000				11,000										

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
	- Cải tạo, nâng cấp đập dâng Cọ Sơn và hệ thống kênh tưới thuộc dự án Cụm công trình thuỷ lợi huyện Tân Sơn	10,000	10,000					10,000				10,000										
32	Kinh phí hỗ trợ học phí cho các đối tượng học trung cấp nghề và cao đẳng nghề giai đoạn 2010 - 2015	**7,000**	**7,000**					7,000				7,000					7,000					
33	Chi công tác giáo dục đào tạo an ninh quốc phòng theo NĐ116 và đào tạo khác	**4,000**	**4,000**					4,000				4,000					4,000					
34	Chi đào tạo sau đại học và chế độ ưu đãi thu hút tay nghề cao + chi đào tạo lại tuyến tỉnh	**8,000**	**8,000**					8,000				8,000					8,000					
35	Kinh phí đào tạo sau đại học và đào tạo lại khối Đảng + đoàn thể cấp tỉnh	**1,000**	**1,000**					1,000				1,000					1,000					
36	Chi các khoản phát sinh khối đào tạo	**2,748**	**2,748**					2,748				2,748					2,748					
37	Đề án phát triển nghề công tác xã hội (bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)	**489**	**489**					489				489					489					
38	Hỗ trợ đào tạo cán bộ HTX (bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)	**1,650**	**1,650**					1,650				1,650					1,650					
39	Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế theo luật	**161,192**	**161,192**					161,192				161,192						161,192				

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
40	Dự kiến tăng biên chế và các khoản phát sinh	**5,000**	**5,000**					5,000				5,000						5,000				
41	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất ngành y tế (trong đó có kinh phí đường vào bệnh viện Thanh Ba: 500 triệu đồng)	**10,000**	**10,000**					10,000				10,000						10,000				
42	Hỗ trợ kinh phí tu bổ tôn tạo di tích cấp tỉnh	**2,000**	**2,000**					2,000				2,000							2,000			
43	Chương trình khai mạc và tổ chức đăng cai Du lịch 8 tỉnh Tây Bắc năm 2013	**3,000**	**3,000**					3,000				3,000							3,000			
44	Kinh phí tổ chức Giỗ tổ Hùng Vương 2013 và tổ chức các ngày lễ lớn + trả nợ ...	**2,500**	**2,500**					2,500				2,500							2,500			
45	Thực hiện dự án Địa chí Phú Thọ	**1,500**	**1,500**					1,500				1,500							1,500			
46	Đề án " Bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc thiểu số tỉnh Phú Thọ đến năm 2020"	**1,000**	**1,000**					1,000				1,000							1,000			
47	Đề án " Bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp - hát Xoan Phú Thọ "	**3,000**	**3,000**					3,000				3,000							3,000			
48	Kinh phí triển khai thực hiện phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (Liên đoàn Lao động tỉnh)	**500**	**500**					500				500							500			
49	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà văn hoá khu dân cư	**8,860**	**8,860**					8,860				8,860							8,860			

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**	
50	Kinh phí đề án tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương	**2,700**	**2,700**					2,700				2,700							2,700				
51	Hỗ trợ kinh phí sáng tạo báo chí của Hội văn học Nghệ thuật: 550 triệu đồng và hội Nhà báo địa phương: 95 triệu đồng	**645**	**645**					645				645							645				
52	Hỗ trợ các ngành đoàn thể	**350**	**350**					350				350							350				
53	Chi chế độ tiền ăn + luyện tập VĐV +HLV	**3,000**	**3,000**					3,000				3,000								3,000			
54	Hỗ trợ TDTT các ngành đoàn thể	**800**	**800**					800				800								800			
55	Chi thực hiện quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng	**1,860**	**1,860**					1,860				1,860											
56	Kinh phí thực hiện các chương trình sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh	**45,811**	**45,811**					45,811				45,811											
57	Kinh phí khoán khoanh nuôi bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên	**2,640**	**2,640**					2,640				2,640											
58	Chi thưởng công nhận làng nghề (dự kiến 8 làng x 30t)	**240**	**240**					240				240											
59	Hỗ trợ phát triển giao thông nông thôn	**4,000**	**4,000**					4,000				4,000											
60	Khắc phục giao thông sau bão lũ	**7,000**	**7,000**					7,000				7,000											

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
61	Chi bổ sung có mục tiêu theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho SN giao thông	**56,000**	**56,000**					56,000	-	-	-	56,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Cải tạo, nâng cấp đường đến trụ sở UBND thị trấn Hùng Sơn huyện Lâm Thao	10,000	10,000					10,000				10,000										
	- Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn, tránh lũ xã Hùng Quan, Nghinh Xuyên huyện Đoan Hùng	10,000	10,000					10,000				10,000										
	- Cải tạo, nâng cấp đường Ngọc Lập - Ngọc Đồng huyện Yên Lập	9,000	9,000					9,000				9,000										
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Thượng Nông huyện Tam Nông	10,000	10,000					10,000				10,000										
	- Cải tạo, nâng cấp đê Ngòi Cỏ huyện Cẩm Khê	8,000	8,000					8,000				8,000										
	- Cải tạo, nâng cấp đường dốc Ngòi Trò xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê	4,000	4,000					4,000				4,000										
	- Cải tạo, nâng cấp đường giao thống nông thôn Quang Húc - Tề Lễ huyện Tam Nông	5,000	5,000					5,000				5,000										
62	Mai táng phí cựu TNXP và CCB	**2,000**	**2,000**					2,000				2,000										2,000
63	Kinh phí thực hiện đề án công tác xã hội: Chi phụ cấp CTV 277 xã x 1050*12);	**3,490**	**3,490**					3,490				3,490										3,490
64	Kinh phí chúc thọ và tặng quà cho người cao tuổi 90 tuổi (2370 cụ) và 100 tuổi (310 cụ)	**1,181**	**1,181**					1,181				1,181										1,181

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
65	Điều tra triệt phá ổ nhóm, lập hồ sơ phòng chống mại dâm (Công an Tỉnh)	**50**	**50**					50				50										50
66	Điều tra triệt phá đường dây buôn bán phụ nữ và trẻ em (Công an Tỉnh)	**100**	**100**					100				100										100
67	Mục tiêu quản lý trẻ em làm trái pháp luật (Công an Tỉnh)	**20**	**20**					20				20										20
68	Chương trình quốc gia Bảo vệ trẻ em (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)	**985**	**985**					985				985										985
69	Chương trình hành động phòng chống mại dâm (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)	**1,000**	**1,000**					1,000				1,000										1,000
70	Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)	**1,740**	**1,740**					1,740				1,740										1,740
71	Chương trình quốc gia về an toàn lao động (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)	**1,035**	**1,035**					1,035				1,035										1,035
72	Chi bổ sung quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh	**500**	**500**					500				500										
73	Chi hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp ...(trong đó NS ĐP: 3 tỷ đồng)	**4,000**	**4,000**					4,000				4,000										

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
74	Hỗ trợ các dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)	**4,790**	**4,790**					4,790				4,790										
75	Hỗ trợ xây dựng các mô hình sử lý ô nhiễm môi trường rác thải ở nông thôn	**2,000**	**2,000**					2,000				2,000										
76	Kinh phí bù lỗ xử lý rác thải	**7,000**	**7,000**					7,000				7,000										
77	Bổ sung kinh phí hỗ trợ chi sự nghiệp môi trường đô thị loại I - Thành phố Việt Trì (bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương)	**20,588**	**20,588**					20,588				20,588										
78	Kinh phí chi từ nguồn 10% thu tiền sử dụng đất	**31,100**	**31,100**					31,100				31,100										
-	*Đo đạc, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận QSD Đất cho các hộ gia đình*	**31,100**	**31,100**					31,100				31,100										
79	Chi thực hiện một số chế độ, chính sách khác theo quy định	**75,373**	**75,373**					75,373				**75,373**										
C	**CHI THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG TỪ NGUỒN DO HĐND TỈNH GIAO TĂNG SO VỚI TRUNG ƯƠNG QUY ĐỊNH**	**4,000**	**4,000**																			
D	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**	**1,200**	**1,200**																			

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																				
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Chia ra				QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục	Đào tạo	Y tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Tăng lương	Các chính sách tăng	Nghiệp vụ											
	TỔNG CỘNG	**7.124.845**	**3.273.189**	**314.300**	**255.400**	**56.900**	**2.000**	**2.550.238**	**775.990**	**233.881**	**300.307**	**1.240.059**	**241.185**	**95.691**	**38.678**	**653.653**	**196.323**	**612.023**	**60.141**	**21.078**	**11.944**	**42.837**
E	**DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**103,451**	**103,451**																			
F	**DỰ KIẾN CHI TỪ NGUỒN HUY ĐỘNG ĐẦU TƯ THEO KHOẢN 3 - ĐIỀU 8 LUẬT NSNN**	**300.000**	**300.000**																			
G	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**979.500**	**-**																			
H	**CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ**	**2.872.156**	**-**																			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2013 (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
A	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**																						
B	**CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH**	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
I	**CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ CỦA TỈNH**	**17,938**	**19,897**	**8,143**	**16,375**	**25,846**	**23,488**							**28,195**	**26,653**	**1,382,199**	**550,180**						
1	**Văn phòng UBND tỉnh**													**683**	**-**	**18,663**							
-	Chi định mức biên chế													167		7,901							
-	Chi số biên chế Trung tâm Công báo - Tin học													16		522							
-	Chi các hoạt động nghiệp vụ													100		1,900							
-	Chi hoạt động của thường trực UBND tỉnh													150		2,850							
-	Chi hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính													35		665							
-	Kinh phí xây dựng và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật															140							
	Chi phục vụ cảnh quan môi trường khu vực UBND tỉnh													125		2,375							
	Kinh phí triển khai ứng dụng công nghệ thông tin															500							
-	Sửa chữa và mua sắm thiết bị,																						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	tài sản UBND tỉnh															1,000							
-	*Chi khác*													90		810							
2	**Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh.**													**214**		**11,938**							
-	Chi định mức													69		3,979							
-	Phụ cấp kiêm nhiệm đại biểu HĐND tỉnh															577							
-	Phụ cấp nghiên cứu tài liệu + công tác phí của các đại biểu cơ sở +Đặt báo + tài liệu chuyên môn các đại biểu															365							
-	Các kỳ họp HĐND tỉnh															600							
-	Hỗ trợ đoàn đại biểu quốc hội															900							
	Chi hoạt động của 3 ban của HĐND Tỉnh															600							
	Chi các hoạt động giám sát,													45		405							
	Kinh phí xây dựng và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật															160							
	Chi hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh													100		1,900							
-	Kinh phí đảm bảo các hoạt động của HĐND theo mức chi hoạt động mới															500							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
-	Kinh phí đầu tư nâng cấp mạng LAN															952							
	Kinh phí duy trì cổng thông tin điện tử															500							
-	Sửa chữa và mua sắm tài sản															500							
3	**Sở Kế hoạch đầu tư**													**173**	**200**	**6,582**	**1,300**						
	Chi định mức													143	200	5,762	1,300						
	Hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư															200							
	Chi ban chỉ đạo các CTMTQG													30		270							
	Kinh phí xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật															50							
	Kinh phí chi gặp mặt các doanh nghiệp và doanh nhân hàng năm															200							
	Chi Ban chỉ đạo Xã hội hoá về công tác giáo dục, y tế.															100							
4	**Sở Khoa học và Công nghệ**	**15,448**												**1,609**		**16,635**							
*	Chi định mức biên chế													64		2,732							
*	Chi hoạt động sự nghiệp	15,448												1,545		13,903							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	10,848												1,085		9,763							
	Công tác kế hoạch hoá. Thống kê khoa học công nghệ và hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh	400												40		360							
	Chi công tác quản lý công nghệ và thanh tra KHCN	300												30		270							
	Công tác sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân	200												20		180							
	Hoạt động tin học và thông tin khoa học công nghệ	300												30		270							
	Chi hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học	250												25		225							
	Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng	300												30		270							
	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2008 vào hoạt động của các cơ quan HCSN tỉnh Phú Thọ (các đơn vị hành chính còn lại)+ kinh phí đánh giá, duy trì , cải tiến hệ thống QLCL tại các đơn vị đó triển khai áp dụng	1,000												100		900							
	Đào tạo trao đổi, hợp tác về khoa học và công nghệ trong và ngoài nước	450												45		405							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Bổ sung trang thiết bị, tăng cường tiềm lực phục vụ nghiên cứu và quản lý nhà n-ước về khoa học và công nghệ	400												40		360							
	Hỗ trợ các hoạt động khoa học công nghệ của các sở, ban, ngành, các hội khoa học, hội đồng khoa học công nghệ các cấp và các nhiệm vụ cấp cơ sở	1,000												100		900							
5	**Chi cục đo lường**													**32**	**10**	**1,191**	**300**						
6	**Chi cục thú y**		**5,908**											**78**	**30**	**7,117**	**850**						
+	VP Chi cục thú y													32		1,285							
+	Trạm thú y các huyện		3,588											34	30	3,524	850						
	Chi định mức biên chế sự nghiệp		3,463											34	30	3,399							
	Chi phụ cấp ưu đãi ngành		125													125							
+	Phòng chống dịch diện rộng		2,000													2,000							
+	Kinh phí sửa chữa các trạm thú y huyện		200													200							
+	Chi hoạt động nghiệp vụ tuyên truyền		120											12		108							
7	**Chi cục bảo vệ thực vật**		**4,542**											**130**		**5,539**	**15**						
+	VP Chi cục bảo vệ thực vật													19		1,108	15						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
+	Trạm bảo vệ thực vật các huyện		4,542											111		4,431	15						
	Chi định mức biên chế sự nghiệp		3,727											66		3,661							
	Chi phụ cấp ưu đãi ngành		164													164							
	Hỗ trợ công tác tuyên truyền		50											5		45							
	Sửa chữa các trạm bảo vệ thực vật		200													200							
	Chi hoạt động phòng trừ sâu bệnh + duy trì bẫy đèn		400											40		360							
8	**Sở NN và PT nông thôn**		**600**											**98**		**4,254**							
	Chi định mức biên chế													58		3,494							
	Chi mua sắm tài sản															200							
	Ban chỉ đạo các chương trình nông nghiệp trọng điểm		200													200							
	Hỗ trợ công tác báo cáo tiến độ SX NLN		400											40		360							
9	**Chi cục QL đê và PCLB**				**11,412**									**520**		**11,916**							
	Văn phòng Chi cục PCLB và QL đê													20		1,004							
	Đội quản lý đê				1,914									30		1,884							
	Phụ cấp ngành				98											98							
	Tu bổ đê, kè cống và chống hạn				5,000									250		4,750							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp kè				4,000									200		3,800							
	Chi nghiệp vụ (trong đó chi cho Ban chỉ huy Phòng chống LB 200 triệu)				400									20		380							
10	**Chi cục Thuỷ lợi**				**4,963**									**175**		**6,340**							
	Văn phòng chi cục Thuỷ lợi													35		1,517							
	Chi định mức biên chế sự nghiệp				963									20		943							
	Chi ban chỉ đạo, quản lý CTMT nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn				200											200							
	Chi hoạt động tuyên truyền , kiểm tra chống úng, chống hạn				300									30		270							
	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản				500											500							
	Duy tu sửa chữa thường xuyên các công trình cấp nước sinh hoạt do cộng đồng quản lý				3,000									90		2,910							
11	**Chi cục Thuỷ sản**		**1,074**											**81**		**2,088**							
	Văn phòng chi cục Thuỷ sản													30		1,066							
	Chi định mức biên chế sự nghiệp		574											21		553							
	Hỗ trợ mua cá hậu bị giống mới để sản xuất cá bố mẹ, bảo tồn lưu giữ giống cá quý hiếm…		200													200							
	Chi tuyên truyền khuyến khích													30		270							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	phát triển thuỷ sản + nghiệp vụ		300																				
12	**Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản**													**30**		**1,352**							
	Chi định mức													30		1,152							
	Chi nghiệp vụ tuyên truyền , tập huấn và kiểm tra giám sát chất lượng NSTP															200							
13	**Sở Nội vụ**													**118**		**6,881**							
	Chi định mức													88		5,001							
	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản															500							
	Chi định mức của Ban Tôn giáo															810							
	Mua sắm tài sản cho Ban Tôn giáo															300							
	Chi nghiệp vụ công tác tôn giáo (trong đó đã có thăm hỏi các chức sắc tôn giáo)													30		270							
14	**Ban dân tộc**													**43**		**2,449**							
	Chi định mức biên chế													18		1,924							
	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản + xây nhà xe															300							
	Chi nghiệp vụ													25		225							
15	**Ban thi đua khen thưởng**													**55**		**1,528**							
-	Chi định mức													25		1,258							
-	Các nhiệm vụ phục vụ thi đua KT													30		270							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
16	**Thanh tra tỉnh**													**82**		**5,979**							
	Chi theo định mức													47		4,148							
	Chi phụ cấp ưu đãi ngành, thâm niên, trang phục															677							
	Thanh tra viên trực tiếp tiếp dân và xử lý đơn thư															240							
	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản.															300							
	Kinh phí mua sắm thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin															300							
	Chi tổ chức hội thảo nghiệp vụ; và các hội nghị + các nghiệp vụ phát sinh													35		315							
17	**Sở Tài chính**													**183**		**9,047**							
	Chi theo định mức													93		7,070							
	Công bố giá hàng tháng															300							
	Duy trì, củng cố và hoàn thiện hệ thống TABMIT….													50		450							
	Kinh phí xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật															50							
	Kinh phí rà soát, kiểm tra, quản lý tài sản công theo Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ													40		360							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản															500							
	Chi phụ cấp ưu đãi, thâm niên ngành Thanh tra															317							
18	**Sở Công thương**													**200**	**120**	**5,954**	**400**						
	Chi định mức													120	120	5,184	400						
	Chi chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả													30		270							
	Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị triển khai công tác thu hồi vốn đầu tư Dự án năng lượng nông thôn II															50							
	Kinh phí thực hiện kế hoạch phát triển thương mại điện tử													50		450							
19	**Sở Xây dựng**													**110**	**103**	**5,166**	**400**						
	Chi định mức													110	103	4,566	400						
	Kinh phí mua sắm sửa chữa tài sản															200							
	Kinh phí mở lớp tập huấn văn bản pháp luật liên quan đến xây dựng															50							
	Kinh phí xác định, công bố chỉ số giá xây dựng năm 2013															350							
20	**Sở Giao thông vận tải**					**25,846**								**851**	**450**	**31,010**	**7,000**						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Chi định mức													118	450	5,652	7,000						
	Phụ cấp thanh tra + trang phục thanh tra giao thông															245							
	Duy tu sửa chữa TX đường tỉnh 733 km x 30					25,846								733		25,113							
21	**Sở Tài nguyên môi trường**						**16,310**							**1,569**	**72**	**18,516**	**1,725**						
a	Chi định mức													18	72	3,757	1,725						
b	Chi nghiệp vụ						16,310							1,551	-	14,759							
*	Đo đạc bản đồ và Quản lý đất đai						975							98		878							
	Thống kê đất đai chỉnh lý biến động						200							20		180							
	Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, đo đạc thống kê chi tiết hiện trạng sử dụng đất nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn toàn tỉnh						700							70		630							
	Xây dựng bản đồ hành chính tỉnh, huyện						75							8		68							
*	Quản lý TN Khoáng sản						7,102							710		6,392							
	Đánh giá hiện trạng môi trường phóng sạ một số xã huyện Thanh Sơn, Tân Sơn						758							76		682							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Điều tra, khảo sát đánh giá hiện trạng điều kiện địa chất và dự báo tai biến địa chất vùng Ninh Dân và khu vực lân cận						6,294							629		5,665							
	Các hoạt động quản lý khoáng sản						50							5		45							
*	Quản lý nước -Khí tượng thuỷ văn						1,050							105		945							
	Xây dựng mạng lưới quan sát động thái nước dưới đất vùng đồng bằng						500							50		450							
	iều tra xả thải thống kê các ngu nước ô nhiễm, đề xuất các biện pháp khắc phục						500							50		450							
	Các hoạt động quản lý TN nước -KTTV						50							5		45							
*	Quản lý thu thập, xử lý thông tin tài nguyên và môi trường Theo QĐ4011/2011/QĐ-UBND tỉnh						2,000							200		1,800							
*	XD giá đất năm 2014						500							30		470							
*	Trang thông tin và bản tin Tài nguyên môi trường						350							35		315							
*	Sự nghiệp bảo vệ môi trường						3,933							343		3,590							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Thực hiện mạng lưới quan trắc, phân tích, cảnh báo ô nhiễm môi trường						2,500							250		2,250							
	Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh						100							10		90							
	Xây dựng bản đồ hiện trạng môi trường tỉnh Phú Thọ						833							83		750							
*	Phối hợp với các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh thực hiện CT bảo vệ môi trường						100									100							
*	Vận hành Trạm quan trắc môi trường không khí tự động						400									400							
	Chi nghiệp vụ thanh tra						100									100							
	Mua sắm thiết bị chuyên ngành						300							30		270							
22	**Chi cục Quản lý đất đai**													**21**		**1,567**							
	Chi định mức													21		1,367							
	Mua sắm tài sản															200							
23	**Sở Văn hoá thể thao và du lịch**													**925**		**24,815**	**120**						
+	Định mức chi biên chế quản lý nhà nước													94		5,748							
+	Đoàn kịch													87		4,069	65						
	Định mức													19		2,243							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Phụ cấp ưu đãi ngành															115							
	Xây dựng vở mới													50		450							
	Biểu diễn miền núi															200							
	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp													10		90							
	Chi sửa chữa, mua sắm thiết bị															800							
	Chi bồi dưỡng luyện tập															100							
	Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật													8		72							
+	Đoàn chèo													83		4,882	55						
	Định mức													15		2,742							
	Phụ cấp ưu đãi ngành															129							
	Xây dựng vở mới													50		450							
	Biểu diễn miền núi															300							
	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp													10		90							
	Chi sửa chữa , mua sắm thiết bị															800							
	Chi bồi dưỡng luyện tập															150							
	Dàn dựng biểu diễn hát Xoan phục vụ các nhiệm vụ chính trị															150							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL									
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật													8		72							
+	Nghiệp vụ VHTT													360		3,240							
+	Bảo tàng Hùng Vương.													40		1,705							
+	Trung tâm Văn hoá thông tin													33		1,722							
+	Chi nghiệp vụ gia đình													40		360							
+	Hoạt động nghiệp vụ du lịch													60		540							
+	Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá															200							
+	Chi chuyên môn nghiệp vụ thể thao + các hoạt động TT khác													128		1,148							
+	Hỗ trợ đội bóng chuyền A1															1,200							
24	**Văn phòng Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng**													**28**		**2,087**							
	Chi định mức													4		1,271							
	Phụ cấp trách nhiệm															150							
	Kinh phí phổ biến, tuyên truyền pháp luật về công tác PCTN													24		216							
	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo															300							
	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản															150							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
25	**Sở Lao động Thương binh xã hội**													**702**		**33,654**							
*	Chi định mức QLNN													49		4,576							
*	Trung tâm bảo trợ xã hội													41	-	6,132							
	Chi định mức													41		2,634							
	Chi phụ cấp thu hút đặc thù (NĐ 56, QĐ 73/2011/QĐ TTg; QĐ 11/QĐ -BLĐTBXH)															1,344							
	Trợ cấp các đối tượng theo NĐ 13/2010/NĐ-CP															1,654							
	Chi mua sắm sửa chữa															500							
*	Trung tâm giáo dục LĐXH													49	-	10,313							
	Chi định mức													49	-	3,613							
	Chi phụ cấp thu hút đặc thù TTLB số18+NĐ114)															1,525							
	Chi mua sắm sửa chữa															500							
	Chi phụ cấp ngành y tế và phụ cấp độc hại (theoQĐ số 11…) + chi điện nước, quần áo đồng phục cho các đối tượng															1,475							
	Kinh phí của Ngân sách địa phương để tổ chức cai nghiện cho đối tượng ma tuý tại trung tâm															3,000							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Chi chữa trị cho đối tượng là gái mại dâm tại trung tâm															200							
*	TT điều dưỡng người có công													31		3,636							
	Chi định mức													31		2,978							
	Chi phụ cấp ngành															458							
	Chi hỗ trợ đưa Cán bộ lão thành cách mạng đi điều dưỡng tập trung															200							
*	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Phú Thọ													5		310							
	Định mức													5		210							
	Chi mua sắm tài sản (mới thành lập)															100							
*	Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy													22	-	1,980							
	Định mức													22	-	875							
	Chi phụ cấp ngành y tế và phụ cấp độc hại (theoQĐ số 11…)															405							
	Chi chế độ cho đối tượng sau cai nghiện theo TT 121/2010/TTLT BTC-BLĐTBXH															600							
	Chi mua sắm tài sản(mới thành lập)															100							
*	Nghiệp vụ ngành													50		450							
*	Thu gom các đối tượng lang													10		90							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	thang																						
*	Chi công tác an toàn vệ sinh lao động + phòng chống cháy nổ													10		90							
*	Các đoàn đi thăm viếng mộ liệt sĩ													40		360							
*	Chi quà các đối tượng chính sách tết +27/7+báo													-		1,100							
*	Hoạt động của ban chỉ đạo giải quyết việc làm													20		180							
*	Hỗ trợ hoạt động xuất khẩu lao động													50		450							
*	Đưa đón các đối tượng đi điều dưỡng													40		360							
*	Kinh phí kỷ niệm ngày TBLS 27/7													-		100							
*	Thu thập, xử lý thông tin cung cầu lao động													35		315							
*	Rà soát, điều tra người tâm thần...													10		90							
*	Chi ban chỉ đạo giảm nghèo													10		90							
*	Hội thi thiết bị dạy nghề + hội diễn tiếng hát học sinh sinh viên dạy nghề ...													50		450							
*	Chi hoạt động nghiệp vụ chăm sóc trẻ em													50		450							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
*	Chi hoạt động bình đẳng giới và BCĐ vì sự tiến bộ của phụ nữ													30		270							
*	Chi hoạt động nghiệp vụ chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt													10		90							
*	Chi các ban chỉ đạo các chương trình của ngành													30		270							
*	Kinh phí chi cho các hoạt động quản lý đối tượng bảo trợ xã hội															130							
*	Kinh phí chi công tác kiểm tra, giám sát thực hiện đề án công tác xã hội															68							
*	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản															300							
*	Chương trình quốc gia về bình đẳng giới															465							
*	Các nhiệm vụ phát sinh khác													60		540							
26	**Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội**													**34**		**1,312**							
	Chi định mức													*34*		1,192							
	Hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình phòng chống mại dâm															100							
	Chi tiếp nhận phụ nữ và trẻ em từ nước ngoài về															20							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL									
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
27	**Chi cục phát triển Lâm nghiệp**			***1.149***										***65***		**2,422**							
	Chi định mức biên chế													20		918							
	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định															100							
	Chi nghiệp vụ (Tuyên truyền tập huấn, hướng dẫn													30		270							
	Chi định mức biên chế sự nghiệp			1,149										15		1,134							
28	**Sở Tư pháp**													**208**	**50**	**5,800**	**200**						
	Chi định mức													83	50	3,512	200						
	Kinh phí duy trì tủ sách pháp luật (2 triệu đồng/xã/năm; Riêng huyện Tân Sơn: 2,5 triệu đồng/xã/năm)															563							
	Kinh phí đảm bảo biểu mẫu, sổ sách cấp hộ tịch cho các xã, phường, thị trấn													35		315							
	Kinh phí thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ; Triển khai công tác giao dịch đảm bảo; Công tác xây dựng thi hành pháp luật ; Công tác hành chính tư pháp															300							
	Kinh phí xây dựng, thẩm định, kiểm tra, sử lý rà soát các văn bản pháp luật													40		360							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Mua sắm tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ chuyên môn															300							
	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật (trong đó có tuyên truyền phổ biến PL trong các doanh nghiệp)													50		450							
29	**Phòng công chứng số 1**													**14**	**80**	**416**	**800**						
30	**Phòng công chứng số 2**													**5**	**5**	**393**	**80**						
31	**Trung tâm trợ giúp pháp lý:**													**85**		**1,650**							
-	Chi định mức biên chế													65	-	1,470							
-	Trợ giúp pháp lý người nghèo (đã bao gồm kinh phí hoạt động của các chi nhánh)													20	-	180							
32	**Trung tâm bán đấu giá tài sản:**													**26**	**10**	**410**	**200**						
33	**Ban QL các khu công nghiệp**													**148**	**-**	**3,289**							
	Chi định mức biên chế													58		2,479							
	Chi quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp													20		180							
	Chi nghiệp vụ xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp và chi nghiệp vụ khác													70		630							
34	**Chi cục phát triển nông thôn**		**300**											**39**		**1,747**							
	Chi định mức													39		1,447							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo và văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ		300													300							
35	**Sở Thông tin và truyền thông**													**383**		**6,955**							
-	Chi định mức biên chế													100		3,128							
-	Chi cổng giao tiếp điện tử (Bao gồm cả nhuận bút)													48		912							
-	Kinh phí duy trì trung tâm tích hợp dữ liệu													35		315							
	Kinh phí mua sắm thiết bị															300							
-	Nâng cấp mở rộng hệ thống hội nghị trực tuyến tỉnh Phú Thọ theo quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của UBND tỉnh Phú Thọ													150		1,350							
-	Kinh phí thực hiện đề án phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020													25		475							
	Chi nghiệp vụ công tác thông tin truyền thông, công tác thanh tra kiểm tra về lĩnh vực CNTT													25		475							
36	**Chi cục quản lý thị trường**													**185**		**11,393**							
	Chi theo định mức													135		9,395							
	Chi phụ cấp ưu đãi +trang phục 400t															1,040							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Kinh phí hỗ trợ hoạt động ban chỉ đạo 127 và các nhiệm vụ khác															200							
	Thuê trụ sở làm việc của 2 đội Tân Sơn và Phù Ninh															108							
	Mua sắm + sửa chữa tài sản của các đội													50		450							
	Mua ấn chỉ QLTT hàng năm															200							
37	**Chi cục kiểm lâm**			**1,880**										**286**	**-**	**29,802**							
	Chi định mức													226	-	24,485							
	Chi phụ cấp ưu đãi ngành, thâm niên trang phục															3,496							
	Chi hỗ trợ công tác tuyên truyền PCCR			300										30		270							
	Chi nghiệp vụ+ mua thiết bị .			300										30		270							
	Nuôi dưỡng chăm sóc chó nghiệp vụ			30												30							
	Bảo vệ rừng mùa khô hanh 139 xuất			250												250							
	Hỗ trợ sửa chữa các trạm kiểm lâm: Thanh Sơn, Hạ Hoà, Đoan Hùng			1,000												1,000							
38	**Chi cục Bảo vệ Môi trường**						**681**							**25**		**2,258**							
	Chi định mức													25		1,477							
	Chi sửa chữa tài sản																						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp							
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
																100							
	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về TNMT						100									100							
	Xây dựng báo cáo chuyên đề hiện trạng môi trường; Kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường						250									250							
	Xây dựng và duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường địa phương; hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng						100									100							
	Dự án điều tra khảo sát, điều tra, thống kê chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phục vụ công tác QLMT						231									231							
39	**Chi cục văn thư lưu trữ -Sở Nội vụ**													**99**	**-**	**2,962**							
	Chi định mức													9		1,700							
	Chi phụ cấp ưu đãi + độc hại															152							
	Kinh phí nghiệp vụ													40		360							
	Kinh phí mua sắm kệ sắt, tủ và tài sản khác phục vụ chuyên môn															300							
	Kinh phí bảo quản tài liệu: mua thuốc chống mối, khử trùng ...													50		450							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
40	**Trung tâm khuyến công, tư vấn và tiết kiệm năng lượng**													**335**	**40**	**4,001**	**2,300**						
-	Chi định mức biên chế													51	40	1,447	2,300						
-	Chi sự nghiệp khuyến công													200		1,800							
-	Chi đào tạo các lớp													84		753							
41	**Công ty phát triển hạ tầng KCN**													**14**	**142**	**599**	**3,500**						
42	**TT tư vấn đầu tư và dịch vụ KCN**													**18**		**528**							
43	**TT quy hoạch Xây dựng Phú Thọ**													**13**	**80**	**573**	**10,000**						
44	**TT kiểm định CLXD Phú Thọ**													**8**		**312**							
45	**TT thông tin TV TS và DV Tài chính**													**16**		**1,617**	-						
	Chi định mức													16		617							
	Chi tuyên truyền, tập huấn, cập nhật các chính sách kế toán tài chính, quản lý tài sản công															1,000							
46	**TT thông tin KH và CN (Sở KHCN)**	**684**												**24**		**660**							
47	**TT Kỹ thuật đo lường thử nghiệm (SKHCN)**	**262**												**11**		**251**							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
48	**Trung tâm ứng dụng KH và CN (Sở KHCN)**	**655**												**13**		**642**							
49	**Trung tâm phát triển khoa học và CN (SKHCN)**	**139**												**5**		**134**							
50	**TT xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch (Sở KHĐT)**													**97**	**50**	**2,359**	**500**						
	Chi định mức													47	50	1,609	500						
	Chi đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với tỉnh															300							
	Phát hành bản tin Xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch Phú Thọ + chi nghiệp vụ													50		450							
51	**Ban quản lý dự án Văn hoá thể thao và Du lịch**													**7**		**543**							
52	**TT Công nghệ thông tin Tây Bắc**													**65**		**1,819**							
	Chi định mức biên chế													36		1,457							
	Mua sắm tài sản															100							
	Chi bổ sung hoạt động theo tiêu chí trung tâm vùng													29		262							
53	**Quỹ phát triển đất tỉnh Phú Thọ**													**2**		**371**							
	Chi định mức biên chế													2		206							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Phụ cấp cán bộ chuyên trách + cán bộ kiêm nhiệm															65							
	Hỗ trợ chi nghiệp vụ															100							
54	**Quỹ Bảo vệ môi trường**															**210**							
55	**Văn phòng tỉnh uỷ**													**1,316**		**37..218**							
*	Chi của Văn phòng													226		8,968							
	Chi theo định mức													83		5,829							
	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐsố 11-QĐ-TU															208							
	Phụ cấp cấp uỷ theo QĐ169 (55 BCH đảng bộ tỉnh)															347							
	Chi nghiệp vụ công nghệ TT															150							
	Chi kiểm tra theo KL số 286-KL/TU của TTTU và KL 1660 của VPTW về tài chính đảng															50							
	Chi mở các lớp tập huấn nghiệp vụ CNTT (50 triệu) + công tác tài chính đảng (100 triệu) + nghiệp vụ công tác lưu trữ (70 triệu)															220							
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng													60		540							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp							
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Chi tiền ăn và các chế độ cho 3 cán bộ cơ yếu ...															63							
	Chi tuyên truyền phổ biến pháp luật, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo															120							
	Mua sắm sửa chữa tài sản															700							
	Chi nghiệp vụ													83		743							
*	Chi nghiệp vụ khối Đảng													1,090		28,250							
-	Chi tặng thưởng đảng bộ trong sạch, vững mạnh															500							
-	Chi cảnh quan môi trường tỉnh uỷ													100		900							
-	Chi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh													30		270							
-	Chi học tập nghị quyết TW (trong đó có NQTW 4 khoá XI)													130		1,170							
	Chi khen thưởng của tỉnh uỷ															1,500							
	Chi hoạt động các ban chỉ đạo của Tỉnh uỷ													90		810							
	Chi tiếp các đoàn khách đến thăm và làm việc với tỉnh													100		900							
	Chi đưa đón cán bộ lão thành cách mạng đi tham quan nghỉ mát															500							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Chi hoạt động của thường trực tỉnh uỷ													200		3,800							
	Chi tặng huy hiệu 40,50,60... năm tuổi đảng															13,540							
	Chi xây dựng thẩm định đề án, văn bản, báo cáo trình Ban chấp hành, Ban thường vụ tỉnh uỷ													180		1,620							
	Kinh phí thực hiện đề án 06 về CNTT khối tỉnh													110		990							
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên khối tỉnh uỷ													150		1,350							
-	Chi bảo trì mạng công nghệ thông tin của Tỉnh uỷ															400							
56	**Ban Tổ chức**													**109**		**8,815**							
	Chi theo định mức													20		4,055							
	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐ số 11-QĐ-TU															136							
	Phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ (6 người)															23							
	Chi nghiệp vụ													54		486							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản															200							
	Chi nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng													35		315							
	Chi dưỡng sức thăm hỏi															3,600							
57	**Ban Tuyên giáo**													**256**		**6,160**							
	Chi theo định mức 28													57		3,609							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐsố 11-QĐ-TU															125							
	Chi hoạt động trung tâm, báo cáo viên, tuyên truyền viên; Chi BCĐ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh													22		198							
	Kinh phí hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện NQTW 5 khoá VIII															100							
	Kinh phí thực hiện đề án 01 về tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội tỉnh															150							
	Chi thông tin sinh hoạt chi bộ, TTV													75		675							
	Phụ cấp tuyên truyền viên 50 người															189							
	Chi thực hiện đề án 04/TU về nâng cao chất lượng tuyên truyền miệng ..													12		108							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản															200							
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng													30		270							
	Chi nghiệp vụ													60		536							
58	**Uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ**													**140**		**4,721**							
	Chi theo định mức													40		3,155							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Phụ cấp thâm niên + phụ cấp ưu đãi															331							
	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐsố 11-QĐ-TU															106							
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng													30		270							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản															200							
	Chi thực hiện công tác kiểm tra, tập huấn, giám sát													28		252							
	Tổ chức kỷ niệm 65 năm thành lập ngành kiểm tra đảng															30							
	Chi nghiệp vụ													42		378							
59	**Ban Dân vận**													**124**		**3,427**							
	Chi theo định mức													31		2,110							
	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐ số 11-QĐ-TU															81							
	Mua tạp chí Dân vận, bản tin tôn giáo													10		90							
	Chi hoạt động Ban chỉ đạo của đảng về Quy chế dân chủ, công tác tôn giáo;															200							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản															200							
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng													18		162							
	Chi XD, biên tập, in ấn phát hành cuốn: Thông tin công tác													35		315							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	dân vận tỉnh Phú Thọ																						
	Chi nghiệp vụ													30		270							
60	**Báo Phú Thọ**													**70**		**10,319**							
-	Chi theo định mức													70		4,111							
	Hỗ trợ chi 7 hợp đồng theo kết luận của TTTU															340							
	Xuất bản đặc san tin ảnh Phú Thọ miền núi															480							
	Chi nhuận bút các loại báo +Báo biếu (Báo thường 330 tờ x 260 kỳ x 1200đ; Báo cuối tuần 330 tờ x51 kỳ x 1800 đồng)															4,554							
-	Kinh phí nâng cấp hệ thống mạng nội bộ Lan theo kết luận của Chủ tịch tại thông báo số 56/TB-UBND tỉnh ngày 06/7/2012 của UBND tỉnh															485							
-	Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật tư															350							
61	**Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh**													**168**		**4,010**							
-	*Chi theo định mức*													28		2,354							
	Các khoản phụ cấp (kiểm tra; BC viên; BVCTNB;															81							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐsố 11-QĐ-TU															79							
	Chi phụ cấp cấp uỷ theo QĐ169-QĐ-TW (10 người + 4 người)															71							
	Hỗ trợ chi nghiệp vụ													32		284							
	Chi khen thưởng đảng bộ TSVM cấp cơ sở															100							
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới, chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng)													28		252							
-	Chi hoạt động BCĐ cơ quan văn hoá quy chế dân chủ, học tập tấm gương đạo đức HCM													3		27							
-	Hoạt động của hội Cựu chiến binh													7		63							
-	Hoạt động của Đoàn thanh niên													7		63							
-	Hoạt động của Công đoàn viên chức													7		63							
-	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW và Tỉnh													5		45							
	Chi xây dựng đề án, các báo cáo … theo quy định số 12 ngày 07-10-2010 của Tỉnh Uỷ													5		45							
	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin													4		36							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU													5		45							
-	Mua sắm và sửa chữa tài sản													30		270							
-	Chi các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở													7		63							
-	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4, 5															70							
62	**Đảng uỷ khối doanh nghiệp**													**130**		**5,389**							
	Chi theo định mức													27		2,738							
-	*Phụ cấp thâm niên + phụ cấp ưu đãi*															18							
-	Chi phụ cấp cấp uỷ theo 169 của các doanh nghiệp trực thuộc : 22UVBCHDUK+278 UVBCHCS															1,162							
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐ số 11-QĐ-TU															79							
-	Hỗ trợ chi nghiệp vụ													32		284							
-	Chi khen thưởng đảng bộ TSVM cấp cơ sở															100							
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới, chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng)													28		252							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Chi hoạt động BCĐ cơ quan văn hoá quy chế dân chủ, học tập tấm gương đạo đức HCM													3		27							
	Hoạt động của hội Cựu chiến binh													7		63							
	Hoạt động của Đoàn thanh niên													7		63							
	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW và Tỉnh													5		45							
	Chi xây dựng đề án, các báo cáo … theo quy định số 12 ngày 07-10-2010 của Tỉnh Uỷ													5		45							
	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin													4		36							
	Chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU													5		45							
	Chi các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở													7		63							
	Mua sắm và sửa chữa tài sản															300							
	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4, 5															70							
63	**Ban Bảo vệ sức khoẻ**													**100**		**7,430**							
	Chi định mức (có PCU đãi ngành)													30		3,314							
	Chi bồi dưỡng phục vụ cấp uỷ theo QĐ số 3115/QĐ-VPTƯ															117							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Chi khám sức khoẻ định kỳ															450							
	Mời giáo sư hội chuẩn															600							
	Chi phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ bảo vệ chăm sóc sức khoẻ tuyến tỉnh (16 người)và tuyến huyện (117 người)															543							
	Chi trợ cấp thường xuyên đối với CB nguyên UBTƯ đảng khoá II, III và cán bộ hoạt động CM trước 01/1/1945 bị bệnh hiểm nghèo (Tính: 4 đối tượng)															76							
	Mua sắm máy xét nghiệm															1,400							
	Kinh phí sửa chữa nhà làm việc thành khu điều trị															300							
	Hỗ trợ kinh phí chi tiền thuốc khám chữa bệnh													70		630							
64	**Tỉnh đoàn thanh niên**													**123**		**4,647**							
	Chi định mức													48		3,272							
	Trang bị tài liệu Đoàn-Hội-Đội cho các cơ sở đoàn nhiệm kỳ 2012-2017 + chi nghiệp vụ ...													30		270							
	Kinh phí tuyên truyền sau đại hội															200							
	Tổ chức các chiến dịch + các chương trình và các cuộc tổng kết....theo kết luận của TTTU													45		405							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Tổ chức đại hội cháu ngoan Bác Hồ; Các cuộc thi ...															300							
	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản															200							
65	**Hội liên hiệp thanh niên**													**20**		**657**							
66	**Trung tâm Thanh thiếu niên Hùng Vương**													**19**		**822**							
67	**Nhà thiếu nhi**													**32**		**987**							
68	**Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh**													**119**		**6,894**							
	Chi định mức (trong đó có 2 biên chế TTGTVL Phụ nữ)													54		3,151							
	Kinh phí xây dựng, tổ chức triển khai đề án " phổ biến giáo dục pháp luật cho phụ nữ; Triển khai cuộc thi " Những tấm gương phụ nữ tự tin, tự trọng trung hậu đảm đang; Cuộc thi " Ngày phụ nữ sáng tạo " cấp tỉnh ...													30		270							
	Tổ chức hội nghị sơ kết 5 năm cuộc vận động xây dựng" Gia đình 5 không 3 sạch "; tổ chức ngày hội " Gia đình hạnh phúc ", gặp mặt tôn vinh các gia đình tiêu biểu ; Các hội nghị tập ...															300							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Kinh phí thực hiện đề án " Tuyên truyền giáo dục, phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh CNH,HĐH đất nước "; đề án "Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi, dạy con tốt"													35		315							
	Kinh phi sửa chữa + mua sắm tài sản															200							
	Hỗ trợ kinh phí cho " quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo "															2,000							
	Đề án đào tạo cán bộ chủ chốt (bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)															658							
69	**Mặt trận tổ quốc**													**165**		**5,551**							
	Chi định mức													30		3,106							
	Kinh phí tổ chức triển khai các nhiệm vụ thực hiện chương trình phối hợp thống nhất hành động													50		450							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Công tác tổ chức tuyên giáo: Xuất bản cuốn thông tin công tác mặt trận; Triển khai cuộc vận động " người Việt Nam dùng hàng Việt Nam"; Phối hợp với Báo Phú Thọ, đài Phát thanh truyền hình thực hiện chuyên mục ...													50		450							
	Hỗ trợ kinh phí triển khai các cuộc vận động: toàn dân đoàn kết XD đời sống ở khu dân cư; tổ chức chỉ đạo thanh tra nhân dân...													35		315							
	Hỗ trợ kinh phí hội Hữu nghị nhân dân															130							
	Kinh phí hoạt động của Uỷ ban đoàn kết công giáo tỉnh															200							
	Chi hoạt động ban dân tộc và tôn giáo: Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng: các vị lão thành cách mạng, các chức sắc tôn giáo, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số, (theo quyết định số 10/2009/QĐ-TTG ngày															150							
	Chi ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư															200							
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản và các nghiệp vụ khác															550							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
70	**Hội nông dân**													**110**	**-**	**4,529**							
	Chi định mức													40		2,699							
	Đại hội đại biểu Hội ND cấp tỉnh lần thứ 8															500							
	Chi tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết sau đại hội															100							
	Biên tập, phát hành cuốn lịch sử Hội nông dân															200							
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động ban chỉ đạo giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân theo chỉ thị 26/CT-TTg của TTCP ngày ...													15		135							
	Kinh phí xây dựng mô hình xã điểm thực hiện chỉ thị 26/CT-TTg của TTCP ngày ..													15		135							
	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản															400							
	Chi hội thi cán bộ hội giỏi toàn tỉnh; Hội nghị biểu dương gia đình nông dân văn hoá lần thứ nhất; Các cuộc tuyên truyền...													40		360							
71	**Hội cựu chiến binh**													**20**		**1,908**							
	Chi định mức													10		1,518							
	Chi nghiệp vụ													10		90							
	Kinh phí triển khai các Nghị quyết															100							
	Hỗ trợ kinh phí đi dự các hội nghị do trung ương tổ															100							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	chức																						
	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản															100							
72	**Liên minh HTX**													**68**	**-**	**2,109**							
*	Chi định mức của liên minh HTX													23		1,086							
	Hỗ trợ chi nghiệp vụ													20		180							
	Tổ chức gặp mặt đại biểu HTX															50							
	Xây dựng và phát hành Bản tin kinh tế tập thể															100							
	Kinh phí hoạt động ban đổi mới và phát triển kinh tế tập thể															100							
	Mua sắm + sửa chữa tài sản															200							
	Chi các lớp đào tạo													13		121							
*	Chi định mức của TT tư vấn và hỗ trợ KTTT													12		272							
73	**Hội chữ thập đỏ**													**55**		**1,812**							
	Chi định mức biên chế													32		1,058							
	Chi định mức biên chế Ban chỉ đạo hiến máu nhân đạo													13		113							
	Chi nghiệp vụ													10		90							
	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo vận động hiến máu nhân đạo tỉnh															200							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Hỗ trợ kinh phí đi dự trại hè tình nguyện viên tại Thành phố HCM															150							
	Hỗ trợ chi công tác tuyên truyền vận động hiến máu nhân đạo															200							
74	**Ban đại diện Hội người cao tuổi**													**8**		**381**							
	Chi định mức													8		251							
	Mua giấy mừng thọ 50 triệu + chi nghiệp vụ 80 triệu															130							
75	**Trung tâm Hội nghị tỉnh**													**29**	**50**	**682**	**500**						
76	**Liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật tỉnh**	**750**												**157**		**2,525**							
	Chi định mức													32		1,030							
	Chi hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội các nhiệm vụ tỉnh giao + chi xuất bản tri thức trẻ đất Tổ; hỗ trợ hoạt động và khen thưởng các hội thành viên													50		450							
	Chi lập đề án phát triển hệ thống Liên hiệp các hội khoa học của tỉnh đến năm 2015 và tầm nhìn 2020															70							
	Chi mua sắm trang thiết bị + sửa chữa TS															300							
	Chi hoạt động các hội thi sáng tạo kỹ thuật (Liên hiệp các hội KH KT)	750												75		675							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
77	**Sở Giáo dục**													**1,291**		**32.594**							
*	Chi định mức biên chế															5,269							
	Chi nghiệp vụ (Thi TN, Thi HSG, ban chỉ đạo kiên cố hoá trường lớp học ....)													516		9,800							
	Bổ sung thiết bị đa công nghệ thông tin vào trường học GD môn tin học.													350		3,150							
	Học bổng cho học sinh THPT đạt giải theo qui định của tỉnh:															1,500							
	Chi thực hiện nhiệm vụ duy trì phổ cập các cấp															300							
	Chi thực hiện kế hoạch dạy và học ngoại ngữ													125		2,375							
	Chi ứng dụng tin học vào quản lý tài chính các trường trực thuộc Sở Giáo dục															1,000							
	Kinh phí khen thưởng thi đua của ngành															3,500							
	Chi khác giáo dục													300		2,700							
*	Đào tạo trên chuẩn cho giáo viên															3,000							
78	**Trường THPT Thanh Sơn**													**90**	**126**	**6,762**	**314**						
79	**Trường THPT Minh Đài**													**63**		**7,808**							
80	**Trường THPT Văn Miếu**													**54**	**12**	**4,192**	**29**						
81	**Trường THPT Hương Cần**													**67**		**6,875**	**-**						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
82	**Trường THPT Thạch Kiệt**													**67**		**4,205**							
83	**Trường THPT Yên Lập**													**64**	**47**	**5,240**	**118**						
84	**Trường THPT Minh Hoà**													**29**	**1**	**4,195**	**4**						
85	**Trường THPT Lương Sơn**													**49**		**5,870**							
86	**Trường THPT Cẩm Khê**													**80**	**126**	**6,051**	**315**						
87	**Trường THPT Hiền Đa**													**62**	**95**	**5,255**	**236**						
88	**Trường THPT Phương Xá**													**68**	**141**	**5,124**	**352**						
89	**Trường THPT Hạ Hoà**													**60**	**148**	**4,783**	**369**						
90	**Trường THPT Xuân Áng**													**52**	**57**	**4,018**	**142**						
91	**Trường THPT Vĩnh Chân**													**50**	**54**	**3,702**	**136**						
92	**Trường THPT Thanh Ba**													**81**	**93**	**6,681**	**233**						
93	**Trường THPT Yển Khê**													**43**	**45**	**3,586**	**113**						
94	**Trường THPT Đoan Hùng**													**65**	**163**	**4,729**	**407**						
95	**Trường THPT Chân Mộng**													**56**	**64**	**4,377**	**160**						
96	**Trường THPT Quế Lâm**													**48**	**43**	**3,884**	**108**						
97	**Trường THPT Thanh Thuỷ**													**69**	**159**	**5,441**	**398**						
98	**Trường THPT Trung Nghĩa**													**49**	**45**	**3,762**	**113**						
99	**Trường THPT Phù Ninh**													**57**	**82**	**5,901**	**204**						
100	**Trường THPT Tử Đà**													**46**	**123**	**4,134**	**307**						
101	**Trường THPT Trung Giáp**													**43**	**57**	**4,242**	**142**						
102	**Trường THPT Long Châu Sa**													**74**	**203**	**6,205**	**506**						
103	**Trường THPT Phong Châu**													**71**	**191**	**5,792**	**478**						
104	**Trường THPT Mỹ Văn**													**58**	**47**	**4,819**	**118**						
105	**Trường THPT Tam Nông**													**64**	**76**	**5,657**	**190**						
106	**Trường THPT Hưng Hóa**													**43**	**65**	**3,159**	**163**						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
107	**Trường THPT Hùng Vương**													**71**	**381**	**6,701**	**953**						
108	**Trường THPT Việt Trì**													**68**	**362**	**8,602**	**905**						
109	**Trường THPT CN Việt Trì**													**44**	**247**	**5,920**	**618**						
110	**Trường THPT KT Việt Trì**													**38**	**157**	**4,258**	**492**						
111	**Trường THPT Chuyên Hùng Vương**													**160**	**514**	**13,637**	**1,607**						
112	**Trường THPT Dân tộc Nội Trú Tỉnh**													**51**		**12,948**							
113	**Trường Dân tộc Nội Trú Thanh Sơn**													**38**		**10,523**							
114	**Trường Dân tộc Nội Trú Yên Lập**													**27**		**7,861**							
115	**Trường Dân Tộc Nội Trú Đoan Hùng**													**19**		**5,864**							
116	**Trường THCS – Dân Tộc Nội trú Tân Sơn**													**24**		**7,714**							
117	**Trung tâm GDTX - HN Lâm Thao**													**33**	**5**	**2,708**	**17**						
118	**Trung tâm GDTX Tam Nông**													**31**	**14**	**1,828**	**45**						
119	**Trung tâm GDTX- HN Cẩm Khê**													**33**	**26**	**2,095**	**82**						
120	**Trung tâm GDTX Thanh Ba**													**22**	**5**	**1,651**	**14**						
121	**Trung tâm GDTX Hạ Hoà**													**17**		**1,535**							
122	**Trung tâm GDTX - HN Đoan Hùng**													**43**	**24**	**2,271**	**74**						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
123	**Trung tâm GDTX Yên Lập**													**33**		**1,501**							
124	**Trung tâm GDTX - HN Thanh Sơn**													**51**	**35**	**3,356**	**109**						
125	**Trung tâm GDTX Thanh Thuỷ**													**33**	**31**	**1,822**	**96**						
126	**Trung tâm GDTX Việt Trì**													**24**		**2,251**							
127	**Trung tâm GDTX thị xã Phú Thọ**													**26**	**11**	**1,899**	**36**						
128	**Trung tâm GDTX - HN Tân Sơn**													**44**		**2,306**							
129	**Trung tâm GDTX Phù Ninh**													**22**	**1**	**1,861**	**3**						
130	**Trung tâm KT-TH- HN tỉnh**													**98**		**5,471**							
131	**Trung tâm KT-TH- HN Phù Ninh**													**15**		**1,284**							
132	**Trung tâm KT-TH- HN Phú Thọ**													**21**	**20**	**1,083**	**62**						
133	**Trường Mầm non Hoà Phong**													**58**	**226**	**5,006**	**535**						
134	**Trường Bồi dưỡng nhà giáo và CBQL Giáo dục**													**117**		**4,291**							
-	**Chi định mức biên chế**													**39**		**3,591**							
-	**Chi các lớp đào tạo**													**78**		**700**							
135	**Trung tâm ngoại ngữ và tin học**													**103**		**3,052**							
-	**Chi định mức biên chế**													**27**		**2,375**							
	Chi các lớp đào tạo													**75**		**677**							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
136	**Trường trung cấp Nông lâm nghiệp Phú Thọ**													**130**	**200**	**4,636**	**700**						
137	**Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật**													**275**	**1,200**	**9,859**	**9,000**						
138	**Trung tâm giỏo dục thường xuyên tỉnh**													**281**	**120**	**6,547**	**2,200**						
139	**Trường chính trị tỉnh**													**192**	**-**	**10,093**							
	Chi theo định mức (đó trừ K p năm trước chưa thực hiện nhiệm vụ chuyển sang năm 2013: 3.061 triệu)													192		6,046							
	Chi hỗ trợ tiền ăn các lớp trung cấp chính trị chính quy															486							
	Kinh phí chi sửa chữa, mua sắm, xây dựng cơ sở vật chất kỷ niện 50 năm thành lập trường															3,061							
	Mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy															500							
140	**Trường Đại học Hùng Vương**													**2,286**	**1,800**	**60,691**	**21,000**						
	Theo định mức + phân bổ học sinh													1,323	1,800	43,122	21,000						
	Đào tạo 40 sinh viên Lào (trong đó có cấp bù 4 tháng cho 10 sinh viên năm 2012)															3,000							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Chi trợ cấp xã hội theo TT LT sụ 53/1998/TTLT/BGD ĐT-BTC-BLĐTBXH và TTLT số 18/2009/TTLT															900							
	Chi đào tạo theo học chế tín chỉ															3,000							
	Phân bổ thêm theo khu vực													963		8,669							
	Kinh phí đào tạo GV chất lượng cao															2,000							
141	**Trường Cao đẳng y tế**													**405**	**350**	**9,503**	**56.000**						
142	**Trường Trung học văn hóa nghệ thuật**													**78**	**60**	**3,486**	**300**						
	Chi định mức + phân bổ học sinh													78	60	2,586	300						
	Kinh phí tham gia các hội diễn + các hội thi ...															400							
	Kinh phí mua sắm thiết bị + sửa chữa đường điện															500							
143	**Trường Cao đẳng nghề Phú Thọ**													**653**	**400**	**10,752**	**2,100**						
	Theo định mức + phân bổ học sinh													653	400	10,452	2,100						
	Chi tư vấn dạy nghề; 300 triệu															300							
144	**Trung cấp nghề công nghệ và VT PhúThọ**													**177**	**100**	**5,113**	**1,300**						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp							
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Theo định mức + phân bổ học sinh													177	100	4,413	1,300						
	Hỗ trợ mua sắm thiết bị															500							
	Chi công tác tư vấn, định hướng dạy nghề															200							
145	**Trung tâm giới thiệu việc làm Phú Thọ**													**29**		**4,152**	**4,500**						
	Theo định mức + phân bổ học sinh													29		2,152	4,500						
	Hỗ trợ mua sắm sửa chữa thiết bị															700							
	Kinh phí tổ chức sàn giao dịch việc làm															1,000							
	Chi công tácc tư vấn, định hướng dạy nghề															300							
146	**TT HNDạy nghề và GTVL Thanh niên**													**23**		**827**							
147	**Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú Phú Thọ**													**61**	**20**	**3,387**	**100**						
	Theo định mức + phân bổ học sinh													61	20	2,483	100						
	Học bổng 50 học sinh dân tộc nội trú học nghề															504							
	Chi tư vấn dạy nghề; 200 triệu; mua sắm thiết bị 200 triệu															400							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
148	**Trường năng khiếu Thể dục thể thao**													**59**		**10,658**							
	Chi định mức													59		2,308							
	Kinh phớ đào tạo vận động viờn (tiền ăn, tiền cụng +...)															8,350							
149	**Trung tõm dạy nghề Hạ Hoà**													**14**		**1,327**							
	Theo định mức + phõn bổ học sinh													14		927							
	Chi tư vấn dạy nghề; 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu															400							
150	**Trung tâm dạy nghề Đoan Hùng**													**14**		**1,495**							
	Theo định mức + phân bổ học sinh													14		1,095							
	Chi tư vấn dạy nghề 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu															400							
151	**Trung tâm dạy nghề Tân Sơn**													**16**		**2,045**							
	Theo định mức + phân bổ học sinh													16		1,645							
	Chi tư vấn dạy nghề 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu															400							
152	**Trung tâm dạy nghề Yên Lập**													**12**		**1,572**							
	Theo định mức + phân bổ học sinh													12		1,172							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Chi tư vấn dạy nghề; 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu															400							
153	**Trung tâm dạy nghề Tam Nông**													**9**		**1,263**							
	Theo định mức + phân bổ học sinh													9		863							
	Chi tư vấn dạy nghề; 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu															400							
154	**Trung tâm dạy nghề Sông Đà-Thanh Thuỷ**													**9**		**1,295**							
	Theo định mức + phân bổ học sinh													9		895							
	Chi tư vấn dạy nghề; 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu															400							
155	**Trung tâm dạy nghề Cẩm Khê**													**7**		**1,267**							
	Theo định mức + phân bổ học sinh													7		867							
	Chi tư vấn dạy nghề; 200 triệu , mua sắm sửa chữa thiết bị 200 triệu															400							
156	**Trung tâm dạy nghề Lâm Thao**													**7**		**1,246**							
	Theo định mức + phân bổ học sinh													7		846							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Chi tư vấn dạy nghề; 200 triệu, mua sắm sửa chữa thiết bị, 200 triệu															400							
157	**Trung tâm đào tạo và GTVL công đoàn**													**31**		**277**							
158	**Trung tâm giới thiệu việc làm nông dân**													**37**		**333**							
159	**Trung tâm Giới thiệu Việc làm phụ nữ**													**40**		**363**							
160	**Trường Trung cấp Nghề HERMANG- MEINR**													**24**		**216**							
161	**Hội khuyến học**															**412**							
162	**Sở Y tế**													**932**		**14,262**	**140**						
	Định mức chi theo biên chế													32		3,162	140						
	Nghiệp vụ ngành													500		5,500							
	Phòng chống dịch.													400		3,600							
	Đào tạo bác sỹ sau ĐH:															2,000							
163	**Bệnh viện đa khoa Tỉnh:**													**85**	**4,328**	**62,672**	**195,000**						
	Chi định mức													85	4,328	57,466	195,000						
	Phân bổ bệnh viện mang tính chất khu vực															5,206							
164	**Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ:**													**35**	**2,500**	**14,386**	**19,000**						
165	**Bệnh viện Lao :**													**32**	**350**	**8,130**	**3,500**						
	Chi định mức													32	350	8,130	3,500						
166	**Bệnh viện Tâm thần:**													**43**	**1,000**	**7,126**	**6,500**						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Chi định mức													43	1,000	7,126	6,500						
167	**Bệnh viện Y học cổ truyền**													**50**	**1,600**	**5,289**	**9,000**						
168	**Bệnh viện điều dưỡng và PHCN**													**70**	**1,550**	**5,919**	**12,500**						
169	**Bệnh viện đa khoa Phù Ninh**													**83**	**1,200**	**5,195**	**9,000**						
170	**Trung tâm y tế dự phòng**													**33**	**350**	**5,109**	**4,200**						
171	**Trung tâm Chăm sóc mắt**													**72**	**20**	**3,312**	**4,000**						
172	**Trung tâm chăm sóc SKSS**													**28**	**120**	**2,427**	**600**						
173	**Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm**													**22**	**160**	**2,161**	**550**						
174	**Trung tâm Giám định Y khoa**													**2**	**25**	**1,227**	**80**						
175	**Trung tâm Giám định Pháp y**													**2**		**1,141**	**55**						
176	**Trung tâm Giám định pháp y Tâm thần**													**1**		**676**							
177	**Hội đông y**													**2**		**115**							
178	**Trung tâm truyền thông giáo dục sức khoẻ**													**4**		**1,068**							
179	**Trung tâm phòng chống HIV/ AIDS**													**7**		**2,422**							
180	**Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm**													**35**	**20**	**1,671**	**300**						
181	**Bệnh viện đa khoa Thanh Ba**													**137**	**800**	**4,440**	**7,000**						
182	**Bệnh viện đa khoa Hạ Hoà**													**297**	**(300)**	**8,120**	**12.500**						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
183	**Bệnh viện đa khoa Đoan Hùng**													**330**	**(533)**	**7,928**	**14.000**						
184	**Bệnh viện đa khoa Tam Nông**													**125**	**(815)**	**6,171**	**12.000**						
185	**Bệnh viện đa khoa Lâm Thao**													**138**	**600**	**4,768**	**8,500**						
186	**Bệnh viện đa khoa Cẩm Khê**													**112**	**(803)**	**8,039**	**20.000**						
187	**Bệnh viện đa khoa Thanh Thuỷ**													**151**	**600**	**4,544**	**7,300**						
188	**Bệnh viện đa khoaYên Lập**													**106**	**900**	**5,228**	**13.500**						
189	**Bệnh viện đa khoa Thanh Sơn**													**55**	**743**	**7,399**	**18.300**						
190	**Bệnh viện đa khoa Tân Sơn**													**176**	**300**	**7,162**	**5,200**						
191	**Trung tâm Y tế Việt Trì**													**30**	**35**	**13.598**	**500**						
	Trung tâm Y tế													30	35	3,097	500						
	Y tế khối xã, phường															10,501							
192	**Trung tõm Y tế Phú Thọ**													**18**	**15**	**6,942**	**70**						
	Trung tâm Y tế													18	15	2,372	70						
	Y tế khối xã, phường															4,570							
193	**Trung tâm Y tế Thanh Ba**													**41**	**30**	**15.878**	**105**						
	Trung tâm Y tế													41	30	3,234	105						
	Y tế khối xã, phường															12,644							
194	**Trung tâm Y tế Hạ Hoà**													**44**	**10**	**18.666**	**25**						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Trung tâm Y tế													44	10	3,233	25						
	Y tế khối xã, phường															15,432							
195	**Trung tâm Y tế Đoan Hùng**													**35**	**18**	**17.945**	**58**						
	Trung tâm Y tế													35	18	3,357	58						
	Y tế khối xã, phường															14,588							
196	**Trung tâm Y tế Tam Nông**													**29**	**21**	**12.292**	**78**						
	Trung tâm Y tế													29	21	2,844	78						
	Y tế khối xã, phường															9,449							
197	**Trung tâm Y tế Lâm Thao**													**22**	**17**	**9,392**	**72**						
	Trung tâm Y tế													22	17	2,604	72						
	Y tế khối xã, phường															6,788							
198	**Trung tâm Y tế Phù Ninh**													**20**	**25**	**12,199**	**152**						
	Trung tâm Y tế													20	25	2,910	152						
	Y tế khối xã, phường															9,289							
199	**Trung tâm Y tế Cẩm Khê**													**43**	**30**	**18,481**	**182**						
	Trung tâm Y tế													43	30	3,322	182						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	Y tế khối xã, phường															15,159							
200	**Trung tâm Y tế Thanh Thuỷ**													**35**	**22**	**10,461**	**66**						
	Trung tâm Y tế													35	22	2,740	66						
	Y tế khối xã, phường															7,721							
201	**Trung tâm Y tế Yên Lập**													**25**	**20**	**17.540**	**150**						
	Trung tâm Y tế													25	20	2,899	150						
	Y tế khối xã, phường															13,431							
	Y tế vùng cao															1,210							
202	**Trung tâm Y tế Thanh Sơn**													**39**	**80**	**19.855**	**300**						
	Trung tâm Y tế													39	80	3,322	300						
	Y tế khối xã, phường															15,400							
	Y tế vùng cao															1,133							
203	**Trung tâm Y tế Tân Sơn**													**20**	**12**	**18,115**	**40**						
	Trung tâm Y tế													20	12	4,414	40						
	Y tế khối xã, phường															11,962							
	Y tế vùng cao															1,738							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
204	**Chi cục Dân số - Kế hoach hóa gia đình**													**130**		**10.086**							
*	Chi cục Dân số -KHHGĐ													51		3,270							
-	Chi theo định mức biên chế:													21		1,925							
-	Chi nghiệp vụ dân số													30		270							
-	Hỗ trợ thù lao cộng tác viên (3230 CTV x 20.000đ/ tháng x 12 tháng)															775							
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa TSCĐ															300							
*	TTDS-KHHGĐ Việt Trì													8		489							
*	TTDS-KHHGĐ TX Phú Thọ													6		505							
*	TTDS-KHHGĐ Tam Nông													4		512							
*	TTDS-KHHGĐ Thanh Thuỷ													7		504							
*	TTDS-KHHGĐ Thanh Sơn													5		505							
*	TTDS-KHHGĐ Tân Sơn													11		737							
*	TTDS-KHHGĐ Yên Lập													3		535							
*	TTDS-KHHGĐ Cẩm Khê													9		491							
*	TTDS-KHHGĐ Thanh Ba													4		525							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
*	TTDS-KHHGĐ Hạ Hoà													1		538							
*	TTDS-KHHGĐ Đoan Hùng													8		490							
*	TTDS-KHHGĐ Phù Ninh													6		511							
*	TTDS-KHHGĐ Lâm Thao													7		475							
205	**Thư viện khoa học tổng hợp**													**75**	**20**	**3,223**	**80**						
	Chi định mức													15	20	1,883	80						
	Kinh phí mua sắm tài sản + công cụ phục vụ nghiệp vụ															500							
	Kinh phí sử lý mối, bảo quản sách															300							
	Bổ sung sách báo hàng năm cho thư viện tỉnh													60		540							
206	**Khu di tích lịch sử Đền Hùng**						**1,700**							**40**	**570**	**6,245**	**18.526**						
	Chi định mức													40	570	4,545	18,526						
	Kinh phí chăm sóc cây, hoa cảnh và vệ sinh môi trường Khu Di tích Đền Hùng						1,700									1,700							
207	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Đền Hựng**															**307**							
208	**Liên hiệp Hội văn học nghệ thuật**													**16**	**-**	**1,574**							
+	Chi định mức													16		741							
+	Kinh phí hoạt động 9 chuyên ngành															180							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
+	Trao thưởng hàng năm của 9 chuyên ngành															123							
+	Kinh phí mở lớp năng khiếu sáng tác bồ dưỡng tài năng trẻ															70							
+	Hỗ trợ: Kinh phí tổ chức trại sáng tác âm nhạc về hát Xoan (40 Triệu) + Kinh phí in tập sách " Tuyển tập các ca khúc Phú Thọ": 30 triệu; Kinh phí tổ chức ngày thơ VN năm 2013:30 triệu															100							
+	Chi hỗ trợ hoạt động 6 chi hội trực thuộc Trung ương tại tỉnh Phú Thọ															60							
+	Hỗ trợ kinh phí trả nhuận bút															300							
209	**Tạp chí văn nghệ Đất Tổ**													**5**		**1,062**							
	Chi định mức													5		512							
	Hỗ trợ trả nhuận bút TCVNĐT và phụ san															500							
	Cấp tạp chí VH đất tổ cho các xã ĐBKK+ATK															50							
210	**Hội Nhà báo**													**3**		**680**							
	Chi định mức													3		280							
	Chi giải thưởng hội nhà báo hàng năm															100							
	Chi nghiệp vụ															300							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
211	**TT phátt hành phim và chiếu bóng**													**4**		**4,540**	**700**						
	Chi định mức biên chế													4		538	700						
	Chi sửa chữa tài sản+ sửa chữa nhà															300							
	Chi mua sắm 3 bộ máy chiếu phim kỹ thuật số															270							
	Chi trợ giá các buổi chiếu phim miền núi 2.051.000đ x 1.599 buổi, phim thiếu nhi 90 buổi *1.763.000đ															3,432							
212	**TT huấn luyện thể dục thể thao**													**44**		**11,222**							
	Chi định mức biên chế													44		2,222							
	Chi thể thao thành tích cao															9,000							
213	**Trung tâm Khai thác các công trình Thể thao**													**131**	**-**	**3,404**	**1,500**						
	Chi định mức													9		643	1,500						
	Chi tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh													122		1,102							
	Chi thưởng giải Cúp Hùng Vương															360							
	Mua sắm tài sản															300							
	Chi duy trì và sửa chữa nhỏ khu liên hiệp															1,000							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
214	**Đài truyền hình Phú Thọ**													**216**	**950**	**10.778**	**6,000**						
	Chi định mức													43	950	3,872	6,000						
	Chi tiền nhuận bút (đó bao gồm sản phẩm đăng tải trên Websile đài PT-TH Phú Thọ)															4,450							
	Chi tăng thời lượng phátt sóng															900							
	Chi nghiệp vụ													173		1,556							
215	**Vườn Quốc gia Xuân Sơn**			**5,113**										**88**		**5,025**							
	Chi định mức vườn Quốc gia Xuân Sơn			4,863										88		4,775							
	Chi sửa chữa trạm Xuân Sơn			250												250							
216	**Trung tâm khuyến nông**		**4.729**											**197**		**4,532**							
	Chi định mức		2,229											37		2,192							
	Thông tin tuyên truyền		200											20		180							
	Tham quan học tập		100											10		90							
	Tập huấn, huấn luyện		200											20		180							
	Tổ chức tuyên truyền nhân rộng mô hình thâm canh cải tạo vườn bưởi Đoan Hùng		200											20		180							
	XD mô hình trình diễn, khuyến nông, khuyến ngư trọng điểm		1,800											90		1,710							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
217	**Trung tâm Giống vật nuôi Phú Thọ**		**2.745**											**12**		**2,733**							
	Chi định mức biên chế		1,245											12		1,233							
	Hỗ trợ sản xuất giống lợn gốc ông bà để sản xuất giống bố mẹ chất lượng		400													400							
	Hỗ trợ sản xuất gà giống		200													200							
	Chi mua sắm+ sửa chữa tài sản		400													400							
	Hỗ trợ sản xuất tinh dịch lợn		200													200							
	Chi hỗ trợ chương trình tinh Bò thịt		300													300							
218	**Trung tâm Công nghệ thông tin Sở Tài nguyên MT**						**1,249**							**25**		**1,224**	**160**						
	Chi định mức						949							25		924							
	Mua sắm sửa chữa thiết bị						300									300							
219	**Trung tâm quan trắc và bảo vệ môi trường**						**777**							**35**		**742**							
220	**Trung tâm kỹ thuật công nghệ tài nguyên**						**1,203**							**45**		**1,158**							
221	**Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất**						**579**							**15**		**564**							
222	**Trung tâm phát triển quỹ đất**						**989**							**25**		**964**							
223	**Hội Cựu thanh niên xung**															**126**							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	phong tỉnh Phú Thọ																						
224	**Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Phú Thọ**															**189**							
225	**Hội người mù**															**252**							
226	**Hội luật gia**															**126**							
227	**Hội nạn nhân chất độc da cam/ diôixin**															**126**							
II	**Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác**	-	-	-	-	-	-	**31.333**	-	-	-	-	-	-	-	**31.333**							
	- Kinh phí thực hiện các chính sách huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP							14,333								14,333							
	- Kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch							7,000								7,000							
	- Kinh phí giải phóng mặt bằng lòng hồ và cảnh quan công viên Văn Lang							10,000								10,000							
III	**Chi an ninh**								**8.700**							**8,700**							
IV	**Chi quốc phòng**									**18.160**						**18,160**							
V	**Chi hỗ trợ thực hiện Luật Dân quân tự vệ và Pháp lệnh Công an xã (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)**										**29.270**					**29.270**							
VI	**Chi khác ngân sách**											**10.000**				**10.000**							
VII	**MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC THEO CHẾ ĐỘ**	**9.290**	**48.691**	**1,860**	**104.633**	**67.000**	**60.688**	-	-	-	-	-	**75.373**	**17.699**	-	**998.029**							
1	Kinh phí thi đua khen thưởng															6,000							
2	Chi cải cách hành chính													50		450							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
3	Kinh phí kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật các ngành													40		360							
4	Rà soát, khảo sát hộ nghèo, cận nghèo; Kinh phí thống kê, tổng hợp 18 chỉ tiêu cấp xã; Rà soát, khảo sát thống kê hộ, nhân khẩu ...													45		405							
5	Sửa chữa , mua sắm phương tiện năm 2013													1,500		13,500							
6	Kinh phí tổ chức thực hiện những ngày lễ lớn													300		2,700							
7	Chi bổ sung có mục tiêu theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho SN QLNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,000							
	- Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa hạng mục công trình nhà làm việc UBND huyện Hạ Hòa															4,000							
	- Kinh phí cải tạo, nâng cấp nhà làm việc Sở Tài chính															4,000							
	- Kinh phí hỗ trợ thiết bị và hoạt động nghiệp vụ hệ thống triển khai diện rộng Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS) ngành tài chính															1,000							
8	Kinh phí thực hiện ứng dụng , phát triển công nghệ thông tin của các cơ quan QLNN													300		1,748							
9	Chi nghiệp vụ đối ngoại và xúc tiến đầu tư													350		3,150							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
10	Kinh phí đối ứng các dự án có tính chất sự nghiệp (*trong đó có 1,5 tỷ đồng vốn đối ứng của Dự án xây dung mô hình sản xuất rau, quả an toàn trái vụ theo tiêu chuẩn VietGAP của Thành phố Việt Trì*)													400		3,600							
11	Các nhiệm vụ phát sinh khối Tỉnh uỷ													100		1,400							
12	Chi dự phòng khối đảng													150		1,350							
13	Kinh phí hỗ trợ chênh lệch giữa giá in và giá bán báo Phú Thọ															1,320							
14	Chi xây dựng nhà lưu trữ và trung tâm công nghệ thông tin; xây dựng hàng rào													900		8,100							
15	Chi đảm bảo hoạt động khối đoàn thể													90		810							
16	Chi các nghiệp vụ phát sinh theo kết luận của TTTU													150		1,150							
17	Kinh phí hỗ trợ thành lập HTX															600							
18	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp													100		900							
19	Chi hỗ trợ tiền ăn + luyện tập vận động viên +HLV															3,500							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
20	Hỗ trợ các trường mầm non +THPT đạt chuẩn quốc gia															5,700							
21	Chi thực hiện đề án phổ cập GDMN													300		5,700							
22	Kinh phí thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP															36,965							
23	Dự kiến các nhiệm vụ phát sinh + tăng biên chế khối tỉnh													800		6,900							
24	Kinh phí tuyển giáo viên mầm non ngoài biên chế vào biên chế năm 2013 (736 cụ)+ 940 cụ NBC tỉnh hỗ trợ kinh phí theo NQ															51,130							
25	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi theo Quyết định 60/20110/QĐ-TTg(Bổ sung cú mục tiêu từ ngân sách trung ương)															16,443							
26	Kinh phí thực hiện Nghị định 54/2011/NĐ-CP															211,703							
27	Hỗ trợ tuyên truyền phổ biến pháp luật													50		450							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
28	Chi chế độ sinh viên cử tuyển trả cho các trường đại học															2,000							
29	In và phát hành Công báo của tỉnh													300		2,700							
30	Kinh phí thực hiện thuỷ lợi phí				63,633											63,633							
31	Chi bổ sung các mục tiêu theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho SN thuỷ lợi	-	-	-	**41,000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**41.000**							
	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống thuỷ lợi 4 xã phía Bắc và dự án cải tạo hệ thống thuỷ lợi 3 xã Hoàng Xá, Sơn Thủy, Trung Thịnh huyện Thanh Thuỷ				9,000											9,000							
	- Cải tạo, sửa chữa kè chống sạt lở đê Tả Thao đoạn km36+250-km37+797 xú Hoàng Cương huyện Thanh Ba				11,000											11,000							
	- Công trình trạm bơm tiêu và hệ thống kênh tiêu đồng Láng Bỗng xã Thanh Đình và xã Thuỵ Vân thành phố Việt Trì				11,000											11,000							
	- Cải tạo, nâng cấp đập dâng Cọ Sơn và hệ thống kênh tưới thuộc dự án Cụm công trình thuỷ lợi huyện Tân Sơn				10,000											10,000							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
32	Kinh phí hỗ trợ học phí cho các đối tượng học trung cấp nghề và cao đẳng nghề giai đoạn 2010-2015													700		6,300							
33	Chi công tác giáo dục đào tạo an ninh quốc phòng theo NĐ116 và đào tạo khác													400		3,600							
34	Chi đào tạo sau đại học và chế độ ưu đãi thu hút tay nghề cao + chi đào tạo lại tuyến tỉnh													800		7,200							
35	Kinh phí đào tạo sau đại học và đào tạo lại khối Đảng + đoàn thể cấp tỉnh													100		900							
36	Chi các khoản phát sinh khối đào tạo													275		2,473							
37	Đề án phát triển nghề công tác xã hội (bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)															489							
38	Hỗ trợ đào tạo cán bộ HTX (bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)															1,650							
39	Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế theo luật															161,192							
40	Dự kiến tăng biên chế và các khoản phát sinh													500		4,500							
41	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất ngành y tế (trong đó có kinh phí đường vào bệnh viện Thanh Ba: 500 triệu đồng)													1,000		9,000							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
42	Hỗ trợ kinh phí tu bổ tôn tạo di tích cấp tỉnh															2,000							
43	Chương trình khai mạc và tổ chức đăng cai Du lịch 8 tỉnh Tây Bắc năm 2013													300		2,700							
44	Kinh phí tổ chức Giỗ tổ Hùng Vương 2013 và tổ chức các ngày lễ lớn + trả nợ ...													250		2,250							
45	Thực hiện dự án Địa chí Phú Thọ													150		1,350							
46	Đề án " Bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc thiểu số tỉnh Phú Thọ đến năm 2020"													100		900							
47	Đề án " Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp - hát Xoan Phú Thọ "													300		2,700							
48	Kinh phí triển khai thực hiện phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (Liên đoàn Lao động tỉnh)															500							
49	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà văn hoá khu dân cư															8,860							
50	Kinh phí đề án tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương													270		2,430							
51	Hỗ trợ kinh phí sáng tạo báo chí của Hội văn học Nghệ thuật: 550 triệu đồng và hội Nhà báo địa phương: 95 triệu đồng															645							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
52	Hỗ trợ các ngành đoàn thể													50		300							
53	Chi chế độ tiền ăn + luyện tập VĐV + HLV															3,000							
54	Hỗ trợ TDTT các ngành đoàn thể													80		720							
55	chi thực hiện quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng			1,860										186		1,674							
56	Kinh phí thực hiện các chương trình sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh		45,811											1,374		44,437							
57	Kinh phí khoán khoanh nuôi bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên		2,640											79		2,561							
58	Chi thưởng công nhận làng nghề (dự kiến 8 làng x30t)		240													240							
59	Hỗ trợ phát triển giao thông nông thôn					4,000								400		3,600							
60	Khắc phục giao thông sau Bão lũ					7,000								700		6,300							
61	Chi bổ sung có mục tiêu theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho SN giao thông	-	-	-	-	56,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	56,000							
	- Cải tạo, nâng cấp đường đến trụ sở UBND thị trấn Hùng Sơn huyện Lâm Thao					10,000										10,000							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	- Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn, tránh lũ xã Hùng Quan, Nghinh Xuyên huyện Đoan Hùng					10,000										10,000							
	- Cải tạo, nâng cấp đường Ngọc Lập - Ngọc Đồng huyện Yên Lập					9,000										9,000							
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Thượng Nông huyện Tam Nông					10,000										10,000							
	- Cải tạo, nâng cấp đê Ngòi Cỏ huyện Cẩm Khê					8,000										8,000							
	- Cải tạo, nâng cấp đường dốc Ngòi Trò xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê					4,000										4,000							
	- Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Quang Húc - Tề Lễ huyện Tam Nông					5,000										5,000							
62	Mai táng phí cựu TNXP và CCB															2,000							
63	Kinh phí thực hiện đề án công tác xã hội: Chi phụ cấp CTV 277 xã x 1050*12) ;															3,490							
64	Kinh phí chúc thọ và tặng quà cho người cao tuổi 90 tuổi (2370 cụ) và 100 tuổi (310 cụ)															1,181							
65	Điều tra triệt phá ổ nhóm, lập hồ sơ phòng chống mại dâm (Công an Tỉnh)															50							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																				Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ: 10% TK làm nguồn CCTL	Các khoản phải trừ: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Ngân sách cấp							
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
66	Điều tra triệt phá đường dây buôn bán phụ nữ và trẻ em (Công an Tỉnh)															100							
67	Mục tiêu quản lý trẻ em làm trái pháp luật (Công an Tỉnh)															20							
68	Chương trình quốc gia Bảo vệ trẻ em (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)															985							
69	Chương trình hành động phòng chống mại dâm (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)															1,000							
70	Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)															1,740							
71	Chương trình quốc gia về an toàn lao động (Bổ sung cú mục tiêu từ ngân sách Trung ương)															1,035							
72	Chi bổ sung quỹ phátt triển khoa học và công nghệ của tỉnh	500												50		450							
73	Chi hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp ... (trong đó NS ĐP : 3 tỷ đồng)	4,000												400		3,600							
74	Hỗ trợ các dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)	4,790														4,790							
75	Hỗ trợ xây dựng các mô hình sử lý ô nhiễm môi trường rác						2,000							200		1,800							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
	thải ở nông thôn																						
76	Kinh phí bự lỗ xử lý rác thải						7,000									7,000							
77	Bổ sung kinh phí hỗ trợ chi sự nghiệp môi trường đô thị loại I - Thành phố Việt Trì (bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương)						20,588									20,588							
78	Kinh phí chi từ nguồn 10% thu tiền sử dụng đất						31,100							3,110		27,990							
-	*Đo đạc, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận QSD Đất cho các hộ gia đình*						31,100							3,110		27,990							
79	Chi thực hiện một số chế độ, chính sách khác theo quy định												75,373			75,373							
C	**CHI THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG TỪ NGUỒN DO HĐND TỈNH GIAO TĂNG SO VỚI TRUNG ƯƠNG QUY ĐỊNH**															-		4,000					
D	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**															-			1,200				
E	**DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**															-				103,451			
F	**DỰ KIẾN CHI TỪ NGUỒN HUY ĐỘNG ĐẦU TƯ THEO KHOẢN 3 - ĐIỀU 8 LUẬT NSNN**															-					300,000		
G	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**															-						979,500	

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2013																					
		Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																					
		KHCN	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thuỷ lợi	Giao thông	TN - MT	Chi kiến thiết thị chính và kinh tế khác	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã (Bổ sung có MT từ NSTW)	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản phải trừ		Ngân sách cấp	Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯquy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
														10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
	TỔNG CỘNG	**27,228**	**68,588**	**10,003**	**121,008**	**92,846**	**84,176**	**31,333**	**8,700**	**18,160**	**29,270**	**10,000**	**75,373**	**45,894**	**26,653**	**2,477,691**	**550,180**	**4,000**	**1,200**	**103,451**	**300,000**	**979,500**	**2,872,156**
H	**CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ**															-							2.872.156